

PHẠM-TRƯỜNG-XUÂN

Cựu Giáo-sư

và một nhóm Giáo-viên

YÊN-HÀ

và

KINH-DƯƠNG

# QUỐC-VĂN

## TOAN-THU

Sách theo Chương trình mới  
của Bộ Quốc Gia Giáo Dục



LỚP  
NĂM

NGỮ-VỰNG

TẬP-ĐỌC

HỌC THUỘC LÒNG

CHANH-TÀ

VĂN-PHẠM

TẬP-LÀM-VĂN

NHÀ XUẤT-BẢN VIỆT-HƯƠNG

34. ĐẠI-ŁØ LÊ-LỢI - SAIGON Đ.T. 21.039



GIẤY PHÉP SỐ 556/XB Ngày 21-3-64

Giá { NAM PHẦN: 18 đ.  
CÁC NƠI: 20 đ.

PHẠM-TRƯỜNG-XUÂN  
CỰU GIÁO-SƯ  
VÀ MỘT NHÓM GIÁO-VIÊN

YÊN-HÀ  
VÀ  
KÌNH-DƯƠNG

# QUỐC-VĂN TOÀN-THƯ

(TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG)

LỚP NĂM



SOẠN ĐÚNG CHƯƠNG-TRÌNH BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC



NHÀ IN VÀ XUẤT-BẢN  
**VIỆT-HƯƠNG**  
34, Đại-lộ Lê-Lợi, 34  
— SAIGON —

TRÂN TRỌNG GỎI QUÍ VỊ:

GIÁO-CHỨC

VÀ CÁC BẬC PHỤ-HUYNH HỌC-SINH

Kính thưa quý vị,

Chương-trình mới của Bộ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC đã được công bố! (do nghị-định số 1005 - G. D. / N. D. ngày 16-7-1959 theo công-báo số 34 ngày 8-8-1959).

Nền Tiểu-học bước qua một giai-đoạn mới!

Một nhóm Giáo-viên VIỆT-HƯƠNG hoan-hỷ chào mừng và nhiệt-liệt hoan-nghinh tinh-thần mới của chương-trình.

Hưởng-ứng một cách cụ-thể sự canh-tân thích-đáng ấy, chúng tôi tích-cực thực-hiện một cái gì mới cho thích-hop.

Quyết tâm canh-tân, chúng tôi đã giàn sà-chứa toàn thể sách giáo-khoa của một nhóm Giáo-viên VIỆT-HƯƠNG về ba phương-diện :

Hình-thức,

Nội-dung.

Tinh-thần, đúng theo chương-trình mới

Chúng tôi đã loại bỏ tàn-tich của một thế-hệ lỗi thời và cố tránh những khuyết-diểm đã được quý vị vui lòng chỉ-giáo trong mấy năm vừa qua.

Trước giai-đoạn mới và trước viễn-ảnh của một mùa gặt hái tốt đẹp, kết-quả của sự canh-tân thích-hop, chúng tôi thành-khẩn gởi đến quý vị lời chào thông cảm và quyết tiễn.

Giam-doc nha Xuát-bẢN  
VIỆT-HƯƠNG  
PHẠM-TRƯỜNG-XUÂN  
Cựu Giáo sư

VIỆT-NGỮ

Lời Chì-Đán

Ngày nay khoa Việt-ngữ được dùng để rèn đúc và phát-huy tư-tưởng dân-tộc. Ngoài ra, khoa này còn nhằm mục đích :

- 1.— Về thực-tế, trực-tiếp làm cho học-sinh bậc tiểu-học có một căn-bản ngữ-vựng cần-thiết trong sự học-tập.
- 2.— Giúp cho học-sinh có những tài-liệu dùng trong sự tiếp-xúc hằng ngày.
  - a) Phát-biểu tư-tưởng của mình bằng lời nói hoặc câu văn.
  - b) Hiểu biết tư-tưởng của những người chung quanh mình khi nghe lời nói hoặc đọc câu văn.

Chương-trình Việt-ngữ gồm có :

- Ngữ-vựng.
- Tập đọc, học thuộc lòng.
- Chính-tả và văn-phạm, tập viết.
- Tập làm văn.

Trong thời-khắc-biều của các lớp tiểu-học đều có ghi những môn ấy, duy môn tập làm văn không ghi ở thời-khắc-biều lớp Năm. Trong những giờ ngữ-vựng và tập đọc, giáo-chức phải tập cho học trò nói chuyện (nói cho bạo dạn và cho tự nhiên, có thứ-tự, có đầu đuôi, đừng kéo dài từng tiếng một). Còn môn văn-phạm thì chỉ ghi trong chương-trình lớp Nhì và lớp Nhất, nhưng cũng cốt để dạy đại-cương về ngữ-pháp mà thôi. Giáo-chức sẽ dùng những bài chính-tả hoặc tập đọc để giúp học-sinh nhận xét một vài định-luật thông-thường riêng của Việt-ngữ, để giúp chúng trong việc tập làm văn.

Những vấn-dề trong chương-trình đã ấn-dịnh sẽ học đi, học lại kĩ-lưỡng theo phương-pháp tiệm-tiến, đi từ chỗ biết đến chỗ chưa biết, từ chỗ gần đến chỗ xa, từ chỗ dễ đến chỗ khó, từ chỗ cụ-thể đến chỗ trừu-tượng. Giáo-chức phải dùng vật-liệu, tranh ảnh hoặc thí-dụ thiết-thực để cụ-thể-hoa tất cả các vấn-dề đem dạy cho học-trò. Mỗi văn đề sẽ dùng làm chủ-diềm cho tất cả các môn ngữ-vựng, tập đọc, học thuộc lòng, chính-tả, tập làm văn... Trong lúc dạy Việt-ngữ, giáo-chức nên nhớ rằng chương-trình ấy không phải đứng tách hẳn chương-trình của các môn học khác như đức-dục, công-dân giáo-dục, sử-ký, địa-ly v.v... mà phải cố tìm cách cho chương-trình các môn học ấy và khoa Việt-ngữ có liên-lạc với nhau.

Ở lớp Nhì và lớp Nhất, những danh-từ khoa-học và kĩ-thuật (thuật-ngữ), những danh-từ Hán-Việt hoặc ngoại-lai (tân-ngữ), những danh-từ thường dùng trong công-văn sẽ chiếm một phần quang-trọng. Các tiếng gốc ở chữ Hán sẽ dạy nhiều hơn và giảng kĩ hơn, theo lối tách riêng từng chữ, rồi hợp lại mà giải-nghĩa toàn cả tiếng, hoặc các câu thành-ngữ.

Đặc-biệt chú-ý về Việt-ngữ : nên nhẹ về phần tóm-chương trích-cũ, nghệ-thuật vi nghệ-thuật và phải chú-ý để cao vấn-dề nghệ-thuật vi nhân-sinh (phục-vụ cho đạo-đức con người, cho hạnh-phúc gia đình, cho an-ninh xã-hội, cho đọc-lập, tự-do).

## Chương - Trình

*Ngữ-vựng. Tập đọc. Học thuộc lòng. Chính-tả. Văn-phạm. Tập viết. Tập làm văn.*

### NGỮ - VỰNG

LỜI DẶN.— Giáo-viên mỗi lớp sẽ tùy chủ-diểm, tùy dia-phương, tùy thời-tiết... mà dạy các mục sau này, mục nào trước, mục nào sau tùy tiện.

Trong đệ-nhất lục-cá-nguyệt không có bài ngữ-vựng chính-thức. Trẻ con học ngữ-vựng trong những môn học khác. Giờ ngữ-vựng ghi trong thời dung-biểu sẽ dùng cho trẻ tập nói chuyện, nhận xét về hình-dáng, các cỡ lớn, nhỏ, màu sắc, vị-trí .., để trẻ tập so sánh và suy-luận. Chỉ trong đệ-nhị lục-cá-nguyệt mới có bài ngữ-vựng chính-thức theo những mục sau đây :

**HỌC-ĐƯỜNG** : Nhà trường, lớp học, các phòng, đồ đạc trong trường (bàn ghế..) Công-việc ở học đường. Các môn học. Thể-thao và trò chơi.

**GIA-ĐÌNH** : Ông bà, cha mẹ, anh chị em. Công ơn cha mẹ. Bồn-phận đối với người trong gia-đình.

### TẬP ĐỌC — HỌC THUỘC LÒNG

Tập nhận và nhớ mặt chữ quốc-ngữ, đọc từng tiếng, từng câu ngắn. Bắt đầu nửa năm học về sau, học trò đã phải biết đọc từng bài ngắn, liên-quan với chương-trình ngữ-vựng. Cho học thuộc lòng những câu ca-dao, tục-ngữ, châm-ngôn đượm màu sắc dân-tộc có ý nghĩa luân-lý hoặc tương-quan với chương-trình ngữ-vựng nhưng phải là những câu hay có tính-cách thực-tế và vừa sức hiểu của học trò. Trong lúc học trò chưa biết đọc, biết chép bài, giáo-viên nên dùng thính-giác và tập cho học trò lập đi lập lại những câu nên thuộc lòng, (chú-ý đến cách đọc cho đúng giọng).

### CHÍNH-TẢ — VĂN-PHẠM — TẬP VIẾT

**CHÍNH-TẢ** : Khi học trò đã viết trăm được, thì cho viết trăm những câu ngắn đã đọc hoặc đã học thuộc lòng. Trước thời-kỳ ấy, chỉ viết trăm những tiếng một, rồi tập chép những câu ngắn đã học hoặc đã đọc.

**TẬP VIẾT** : Học bài nào viết bài ấy. Tập viết từ số 1 đến 10.

### TẬP LÀM VĂN

Không có gì chính-thức nhưng học trò tập làm văn trong tất cả các môn.

### CHƯƠNG I

## HỌC - ĐƯỜNG

**TUẦN I** : Trường học.

**TUẦN II** : Lớp học — Các phòng.

**TUẦN III** : Thầy và bạn.

**TUẦN IV** : Đồ dùng.

**TUẦN V** : Đồ đạc trong trường.

**TUẦN VI** : Công việc ở học - đường.

**TUẦN VII** : Các môn học.

**TUẦN VIII** : Các môn học (t. t.).

**TUẦN IX** : Giờ chơi.

**TUẦN X** : Thể-thao và các trò chơi (t. t.),

## Chương I : HỌC-ĐƯỜNG

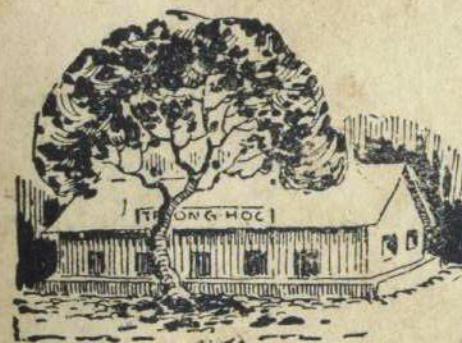


Chim non ca hát tung bừng,  
Vang vẩy khúc nhạc reo mừng tuổi xanh.



Mầm non vui vẻ học-hành,  
Học vui, vui học cho thành chím non !

## TRƯỜNG THANH-LÂM



1.— Trường Thanh-Lâm núp dưới bóng  
những cây gáo cành lá  
sum-sê.

2.— Một ngôi nhà gạch, nền cao, nằm sau  
một mảnh sân trải cát.

Mái trường bằng ngói đỏ. Tường quét vôi  
vàng. Cửa kính, cửa chớp sơn xanh. Các lớp  
học rộng-rãi sạch-sé.

3.— Hàng ngày, các ông giáo ân-cần uốn-nắn  
non một trăm trẻ em vui-vẻ học tập.

HOÀI-XUÂN

### PHÁT-ÂM

Dưới, sum-sê, sau, sạch-sé, sơn xanh.

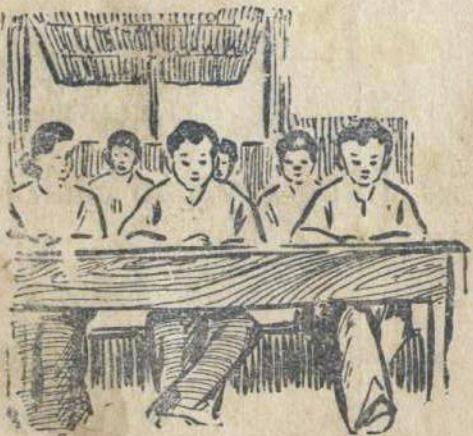
### GIẢI-NGHĨA

**Sum-sê :** um-tùm, rậm-rạp. **Cửa chớp :** cửa có nhiều  
thanh gỗ xiên ngang cho thoáng khí. **An-cần :** hết lòng  
chăm lo.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- Trường tên gì ?
- Sân trường ra sao ?
- Các lớp học thế nào ?

## LỚP HỌC BÌNH-DÂN



1.— Đó là một ngôi chùa cổ, sửa-sang thành trường học.

2.— Bàn ghế toàn bằng gỗ xấu. Nơi vách, trước mặt học sinh, mấy tấm bảng

đen đã rõ mặt. Giáo-viên không có bàn giấy, phải đi bách-bộ trong lớp.

3.— Chùa tối om. Dưới ánh sáng lò-mờ của ngọn đèn dầu phòng, học-viên già trẻ lớn bé đều náo-nức học-tập.

### PHÁT - ÂM

(Sửa-sang, xấu, học-sinh, song, tối om, náo-nức.)

### GIẢI - NGHĨA

**Bình-dân**: dân thường không phân-biệt giàu nghèo, già trẻ. **Bách-bộ**: đi di, lại lại. **Học-viên**: người đi học lớp bình-dân. **Náo-nức**: hăm-hở, ham mê.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Người ta sửa-sang ngôi chùa cổ để làm gì?
- 2.— Tại sao giáo-viên không có bàn giấy?
- 3.— Các học-viên có bằng tuổi nhau không?



## LỚP EM

Bàn ghế sắp có hàng,  
Tường vôi màu trắng trắng.  
Nhưng-nhắng bảng cùng tranh,  
Trên cao một bức ảnh.

### KÌNH-DƯƠNG

### BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Trường em

**Trường** em cát trên một miếng đất rộng. **Mái** trường lớp ngồi **đỗ**, tường **quét vôi** vàng. Mỗi lớp có nhiều cửa sơn xanh. Giờ chơi, em chơi ngoài **sân**.

QUỐC THUẬT LÒNG II



### MẾN LỚP

Lớp tôi lòng tôi mến !

Thầy bạn hợp một nhà.

Sớm chiều đồng một dạ,

Rán học để làm nên.

KINH-DƯƠNG

TUẦN II

TẬP ĐỌC I

### LỚP HỌC VUI



1.— Thủy học lớp năm  
trường nữ-học.

2.— Đó là một lớp học  
xinh-xắn. Tường quét vôi  
trắng xóa. Bàn ghế nhỏ-nhắn  
vừa tầm các em bé.

Tranh ảnh và các bản đồ xanh đỏ làm  
lớp học thêm vui, thêm đẹp.

3.— Lớp học lúc nào cũng sáng-sủa,  
vui-vẻ.

#### PHÁT-ÂM

**Trường, lớp, (xinh-xắn), trắng, (sáng-sủa), vui-vẻ.**

#### GIẢI-NGHĨA

**Trường nữ-học :** trường con gái học.

#### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thủy học lớp nào ?
- 2.— Lớp học ấy ra sao ?
- 3.— Trên tường có gì ?



## LỚP MẪU-GIÁO

- 1.— Trên ba chục em không quá sáu tuổi, vui tươi quây-quần bên cô giáo.
  - 2.— Đứa chăm-chỉ lừa những chữ cái bằng gỗ sơn đủ màu. Đứa sắp những chữ số cũng bằng gỗ, trên một cái bàn tròn.
  - 3.— Trong khi ấy nhiều em khác, vừa nắm tay vừa nhảy, vừa hát những bài hát vui.
- THANH-TÙNG

### PHÁT-ÂM

(Mẫu-giáo, quây-quần, chăm-chỉ, vui.)

### GIẢI-NGHĨA

**Lớp mẫu-giáo :** lớp dạy trẻ em theo lối mẹ dạy con ở nhà.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Các em quây-quần ở đâu?
- 2.— Các em đang chăm-chỉ lừa gì?
- 3.— Trong khi ấy các em khác làm gì? Ở đâu?
- 4.— Lớp học này gọi là lớp gì?



## PHÒNG HIỆU-TRƯỞNG

- 1.— Mai bước vào phòng hiệu-trưởng.
- 2.— Giữa phòng nổi bật một bàn giấy đánh vẹt-ni vàng. Hai hàng ghế sắt kê dọc theo vách tường quét vôi xanh lợt.

Kế bên, một cái tủ lớn đựng các sô sách. Trên vách, nhiều bản đồ địa-lý, nhiều tranh khoa-hoc che lấp cả mặt tường.

- 3.— Ông Hiệu-trưởng, ngồi trên một chiếc ghế dựa trầm-ngâm, xem xét các đơn từ.

### PHÁT-ÂM

Hiệu-trưởng, vách, vôi, sô sách, xem xét.

### GIẢI-NGHĨA

**Hiệu-trưởng :** người đứng đầu trông coi một trường học; thường gọi là ông Đốc. **Bản đồ Địa-lý :** bản vẽ hình thể một nước, một xứ hay một nơi nào.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Mai vào phòng của ai?
- 2.— Giữa phòng hiệu trưởng có gì?
- 3.— Sô sách đựng ở đâu?
- 4.— Ông hiệu-trưởng đang làm gì?



## CHĂM HỌC

Lớp học xinh-xinh,  
Cửa chớp chói lòa.  
Trường vui-vẻ quá,  
Xin chờ bê-tha,  
Gởi lời nhắn trẻ em nhà,  
Muốn nên danh-phận liệu mà học chăm.

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Lớp học

Em **học** lớp Năm. Lớp em rộng-rãi và sáng-sủa. Trên tường có treo nhiều  **tranh** đẹp. Nhờ hai **cửa sổ** lớn và hai **cửa ra vào**, lớp em thoáng khí.



## GÀ GÁY

Cúc eù-eu !  
Sáng rồi đây !  
Học trò tỉnh dậy đi  
ngay nhà tràng !

Học cho ngoan-ngoãn giỏi-giang,  
Thầy yêu, cha mẹ lại càng yêu hơn.

NAM-HƯƠNG

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Phòng Hiệu-trưởng

Phòng **Hiệu-trưởng** ở cuối lớp học. Ông Hiệu-trưởng đang **làm việc** tại **bàn giấy**. Ông xem-xét các **đơn-tử** của cha mẹ học-sinh gởi đến. Các giấy tờ và **sổ-sách** khác được sắp cỏ **thứ-tự** kẽ bên.



## YÊU MẾN THẦY

1.— Thầy giáo của Thiên rất tận tâm.

2.— Thầy giảng nghĩa bài rõ-ràng, chăm-chỉ dạy-dỗ học-sinh những điều hay, nết tốt. Đến tối, thầy

phải thức đêm chấm bài, soạn bài.

3.— Thầy không bao giờ tiếc công. Thiên  
rất yêu-mến thầy.

### PHÁT-ÂM

Giáo, giảng, dạy-dỗ, tận tâm, tập, tối, tiếc.

### GIẢI-NGHĨA

**Tận-tâm :** hết lòng.

### TẬP NÓI CHUYỆN

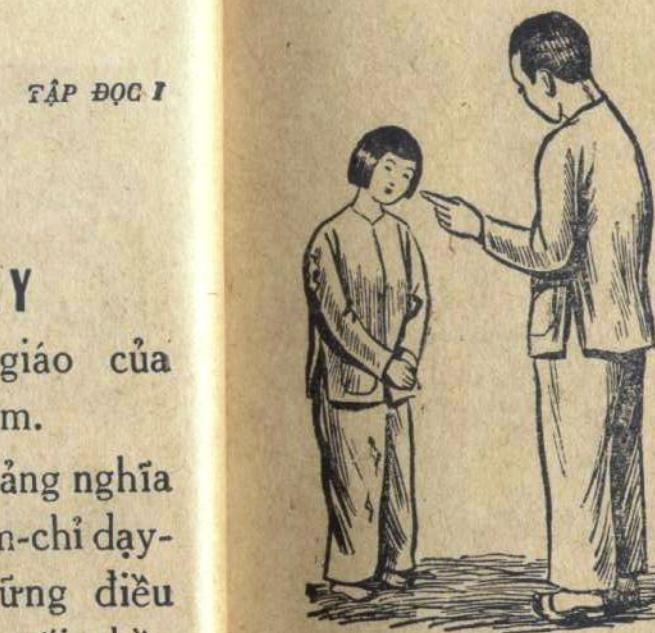
1.— Thầy giáo của Thiên thế nào ?

2.— Thầy giảng bài cách nào ?

3.— Đến tối tại sao thầy phải thức khuya ?

4.— Thiên có yêu thầy không ?

### TẬP ĐỌC I



## NÊN CHỌN BẠN MÀ CHƠI

1.— Thu, bạn Thủy, hay  
trốn học để đi chơi.

2.— Một hôm, Thu rủ  
Thủy bỏ học đi bắt bướm.  
Thủy ham chạy, vấp vào  
bụi cây, rách cả áo quần.  
Về nhà, ba má Thủy buồn  
phiền và trách mắng.

3.— Thủy biết lỗi xin  
chùa không nghe lời Thu nữa.

### PHÁT-ÂM

Trốn, chạy, vấp vào, bụi, trách mắng, rách.

### GIẢI-NGHĨA

**Chùa :** không dám làm việc vừa qua nữa.

### TẬP NÓI CHUYỆN

1.— Thu rủ Thủy làm gì ?

2.— Tại sao Thủy bị rách áo quần ?

3.— Ba má Thủy có buồn phiền không ? Tại sao ?

4.— Thủy hứa với ba má thế nào ?



## NGƯỜI HỌC TRÒ TỐT

1.— Thiên là một học trò siêng-năng và tinh-tinh hiền-hậu.

2.— Luôn luôn chăm học, Thiên thường đứng đầu trong lớp. Đã không kiêu-ngạo, Thiên lại còn hay giúp đỡ các bạn nữa.

3.— Thiên là một học trò tốt đáng được thầy khen, bạn mến.

Em cõ bắt chước cho được như Thiên.

THANH-VÂN

PHÁT ÂM

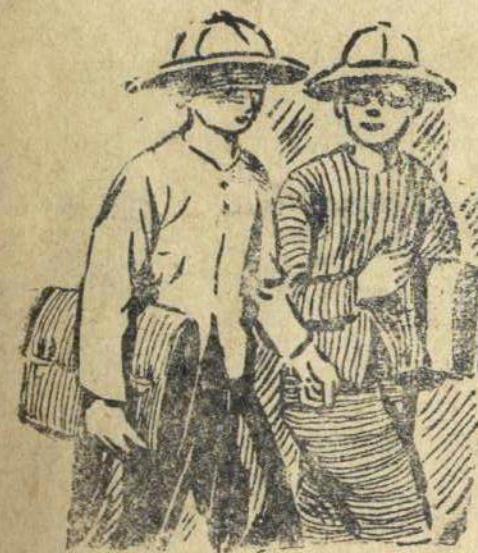
Học-trò, siêng-năng, kiêu-ngạo.

GIẢI NGHĨA

**Kiêu-ngạo :** cho mình giỏi hơn kẻ khác mà làm **cao**.

TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thiên là người học trò thế nào ?
- 2.— Tại sao anh thường đứng đầu trong lớp ?
- 3.— Đối với các bạn, anh hay làm gì ?
- 4.— ! ai sao Thiên đáng được thầy khen bạn mến ?



## RỦ NHAU ĐI HỌC

Rủ nhau đi học I-O,  
Mỗi ngày vài chữ,  
rán lo chuyên-cần.  
A, O, vui bụng hai

thân,

Học-hành tần tới sách văn lầu thông.

BÀI TẬP NGỮ VỰNG

## Thầy giáo

**Thầy giáo** em còn trẻ. Thầy làm việc rất **tận tâm**. Nhờ thầy **giảng nghĩa** rõ-ràng, bài học em rất mau thuộc. **Bài làm** em làm đúng cả. Em  **yêu** thầy lắm vì thầy không quản khó nhọc để dạy-dỗ chúng em.



### ĐÀN CHIM

Đàn chim tí-kon,  
Ca hát véo-von.  
Vui học nhũng bài vui,  
Văn ngược tiếp văn xuôi.

YÊN-HÀ

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

### Học trò tốt

Anh Thiên là người **học trò tốt** ở lớp em. Anh đã **siêng-năng**, chăm-chỉ lại không **kiêu-ngạo**. Ở lớp ai lỡ quên đồ dùng gì thì anh **cho mượn** ngay. Anh luôn-luôn được thầy **khen** bạn **mến**.



### QUYỀN VỞ

1.— Quyền  
vở mới của Thủy  
đẹp làm sao !

2.— Bìa màu đỏ, in hình ba thiếu-nữ Việt-  
Nam xinh tươi và bản-đồ nước nhà.

Phía trong, toàn giấy trắng toát đã gạch hàng  
sẵn. Nơi mỗi trang giấy, nổi bật một đường lè đỏ.

3.— Thủy rất quý vở ấy.

PHÁT-ÂM

Quyền, xinh, sẵn, Việt.

GIẢI-NGHĨA

**Thiếu-nữ**: người con gái. **Bản-đồ** : tranh vẽ hình  
thể một nước hay một xứ.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Bìa vở của Thủy màu gì ?
- 2.— Trên bìa có vẽ chi ?
- 3.— Phía trong có gì ?
- 4.— Ở mỗi trang nổi bật cái gì ?

## CÂY VIẾT



1.— Ba mới mua  
cho Thiên một cây viết.

2.— Dáng viết thon-  
thon, đầu dưới to, trên  
nhỏ. Thân viết sơn hai  
màu: đen và xanh lam.

Ngòi viết bằng sắt sáng-loáng cắm ở đầu lớn của  
cán viết.

3.— Thiên chấm mực, hí-hoáy viết, vẽ suốt  
ngày.

### PHÁT - ÂM

Dáng, dưới, viết, vẽ, suốt, sắt, sáng-loáng, hí-hoáy.

### GIẢI - NGHĨA

**Hí-hoáy:** chỉ bộ cùm-cụi.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Ai cho Thiên cây viết?
- 2.— Dáng viết thế nào?
- 3.— Thân viết sơn màu gì?
- 4.— Thiên dùng viết ấy để làm gì?

## CẶP SÁCH



1.— Thúy ngắm-  
nghĩa mãi chiếc cặp  
da mới. Đó là món  
quà ba Thúy vừa  
thưởng cho Thúy.

2.— Cặp bằng  
da mịn, màu nâu.

Bên trong chia nhiều ngăn dùng để đựng  
sách vở. Bên ngoài có khóa kẽm, và tay xách  
bằng da cứng.

3.— Thúy giữ-gìn rất cẩn-thận món quà  
quí báu ấy.

### PHÁT - ÂM

Cặp sách, tay xách, ngắm-nghĩa, mịn, quý báu.

### GIẢI - NGHĨA

**Ngắm-nghĩa:** nhìn thật kỹ. **Mịn:** sờ thấy. **Cẩn**  
**thận:** kỵ-lưỡng.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thúy được thưởng vật chi?
- 2.— Cặp da của Thúy bằng gì?
- 3.— Bên trong có chi?
- 4.— Em thấy chi bên ngoài?



## QUYỀN SÁCH HÌNH

Em học giỏi,  
ba thương,

Mua cho quyền sách hình.  
Toàn đầy tranh và ảnh,  
Em vô cùng biết ơn.

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Quyền vở

Em mới mua một **quyền vở** mới. **Bìa vở** màu xanh. Bên trong có một trăm **trang** giấy **trắng** đã **gạch** hàng sẵn. Trên mỗi trang, bên tay trái, có một **đường lè** đỏ.



## QUẢ ĐỊA-CẦU

Bốn bề với năm Châu,  
Năm trong quả Địa-Cầu.  
Hình tròn xem rất thích,  
Xanh đỏ lăn vàng nâu.

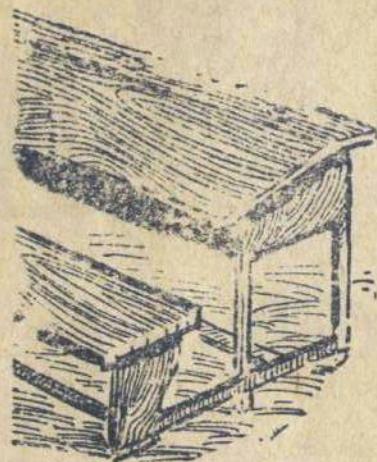
PHI-SƠN

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Cái cặp sách

**Cặp sách** của em màu nâu và làm bằng da bò. Cặp có ba **ngăn**. Em sắp sách vở vào hai ngăn lớn và **đồ dùng** vào ngăn nhỏ. Em đậy **nắp** và **khóa** cặp cẩn thận. Em xách cặp nơi **quai** để đi học.

## BÀN GHẾ HỌC-SINH



1.— Thiên ngồi bàn thứ nhì, dây bên trái.

2.— Bàn học của Thiên thật xinh. Bàn ấy làm bằng gỗ dầu, láng bóng. Mặt bàn đóng hơi xuôi cho Thiên và các bạn tiện việc đ𝐞 sách vở. Thiên cất cặp sách trong hộc bàn.

3.— Bàn ghế vừa tầm Thiên. Thiên ngồi một cách khỏe-khoắn.

### PHÁT ÂM

**Dây, bên trái, xuôi, hộc bàn, khỏe-khoắn, mặt bàn.**

### GIẢI NGHĨA

**Vừa tầm:** vừa cù, không cao, không thấp.

**Khỏe-khoắn:** dễ chịu.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thiên ngồi ở bàn thứ mấy ? Bên dây nào ?
- 2.— Mặt bàn đóng xuôi đẽ làm gì ?
- 3.— Thiên cất cặp sách ở đâu ?
- 4.— Tại sao Thiên ngồi được khỏe-khoắn ?

## TẤM BẢNG XANH



1.— Tấm bảng đen láng nay đã đổi thành màu xanh thẫm.

2.— Những làn phấn trắng nổi bật lên, những hình vẽ, những nét chữ lăn lăn hiện dưới ngón tay mềm dẻo của những trò bé chăm học.

3.— Màu xanh làm cho mát mắt, vui mắt và cho trẻ em ham học.

### MÝ-HƯƠNG

### PHÁT - ÂM

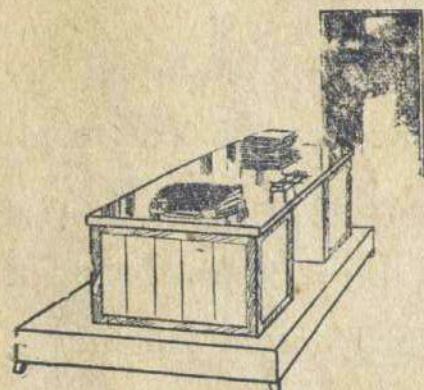
**Bảng xanh, màu, thẫm, nổi bật, ngón tay, mềm dẻo, mát mắt.**

### GIẢI - NGHĨA

**Thẫm:** đậm, tối.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Trước kia tấm bảng màu gì ?
- 2.— Nay giờ đổi lại màu gì ?
- 3.— Các em bé vẽ chi trên bảng ?
- 4.— Màu xanh của bảng làm cho trẻ em thấy thế nào ?



## BÀN THẦY

1.— Bàn thầy đánh vẹt-ni bóng láng ngự trên một cái sập gỗ, gần cửa ra vào.

2.— Giữa bàn, một bình mực đôi, bằng thủy-tinh trong suốt, đựng một bên mực đỏ một bên mực tím. Hai cây viết gỗ cũ-kỹ gác ngang qua bình mực.

3.— Trước mặt thầy, chồng vở cao nghẹu của học-sinh chiếm một khoảng lớn mặt bàn. Đối-diện với chồng vở là cái cặp to-tướng của thầy giáo.

HUYỀN-ANH

### PHÁT - ÂM

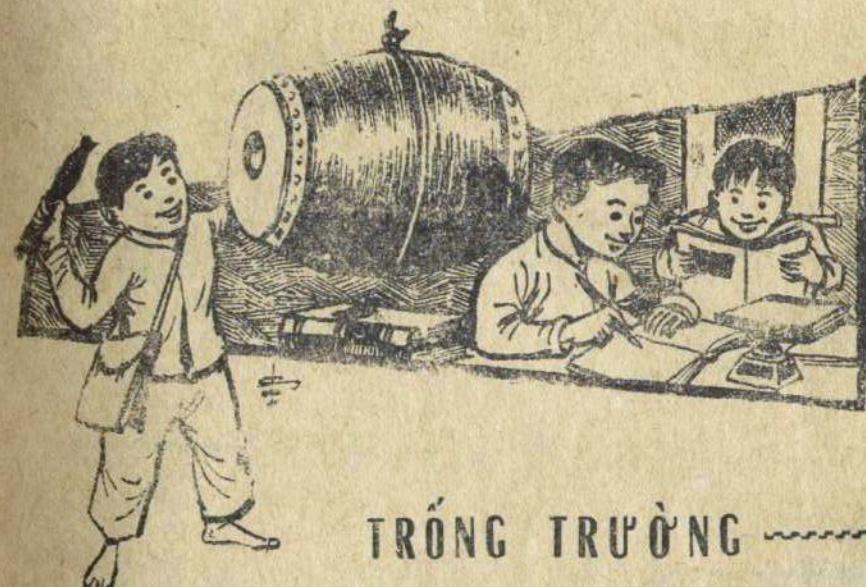
Vẹt-ni, bóng láng, sập gỗ, thủy-tinh, trong suốt, cao nghẹu, ch.ếm.

### GIẢI - NGHĨA

**Ngự** : kê, đặt. **Thủy-tinh** : chai. **Đối-diện** : đối mặt ngó ngay mặt.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Bàn thầy ở đâu ?
- 2.— Bình mực bằng chất chi ? Đựng mấy thứ mực ?
- 3.— Vở học trò có nhiều không ?
- 4.— Cặp thầy đè ở đâu ?



## TRỐNG TRƯỜNG

Vui thay trống đã điềm thùng,  
Trống ơi ! trống hỡi reo mừng phải chăng ?  
Reo mừng ta học siêng-năng,  
Mỗi năm mỗi lớp, tiến băng anh em.

THANH-SƠN

## Bàn ghế học sinh

Ở lớp em, **bàn ghế** học-sinh **sắp** làm ba dây **thẳng** **tắp**. Các bàn ghế ấy làm bằng **gỗ** tốt dành vẹt-ni **bóng láng**. Mặt bàn hơi **xuôi** cho học-sinh dễ **ngồi** viết. Đọc theo cạnh bàn có **lỗ** dựng hũ mực. Em cất cặp ở **ngăn** bàn.



## BẢN-ĐỒ VIỆT-NAM

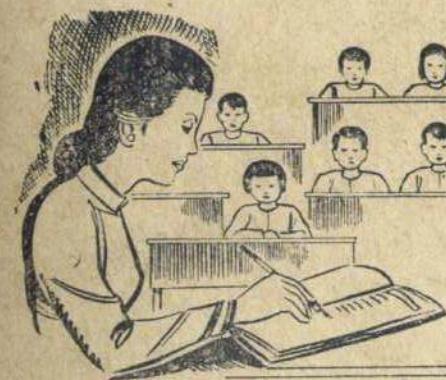
Cong-cong chữ S dặm dài,  
Ấy là nước Việt dỗ ai biết nào ?  
Thái-Bình mặt bể phủ bao !  
Bên trong rừng núi thấp cao diệp trùng.

YÊN-SƠN

BÀI TẬP NGỮ-VĂNG

## Đồ-đạc trong lớp

**Bàn thầy** giáo em **kê** trên một **bục** gỗ cao. Sau bàn có một **ghế dựa** để thầy ngồi. **Bảng xanh** đóng trên vách, trước mặt học-sinh. Một **tủ kính**, đặt ở góc lớp, đựng **sò sách** và **đồ dùng** dạy học. Nhiều **tranh ảnh** và **bản đồ** treo trên mặt tường làm cho lớp học vui, đẹp.



## BIÈM-DANH

- 1.— Dàn trẻ vào lớp vừa ngồi yên, cô giáo vui-vẻ mở quyển sổ đièm-danh.
- 2.— Trước khi gọi tên các em, cô liếc mắt rảo xem khắp lớp một lượt. Cô từ từ xướng-danh từng em theo thứ-tự chữ cái.
- 3.— Những tiếng « thưa có », « dạ có » lảnh-lót cất lên trong bầu không-kí im-lặng của giờ học.

HỒNG-VÂN

PHÁT-ÂM

Đièm-danh, dàn trẻ, ngồi yên, trước khi, liếc mắt, lảnh-lót.

GIẢI - NGHĨA

**Đièm-danh** : kêu tên từng học-sinh một đê biết em nào vắng mặt, em nào đi học.

**Xướng-danh** : kêu tên.

## TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Cô giáo mở sổ gì ra đê đièm-danh các học-sinh ?
- 2.— Trước khi xướng-danh cô làm gì ?
- 3.— Các em đi học thì trả lời thế nào ?
- 4.— Những học-sinh nghỉ nhà thì bạn bên cạnh trả lời ra sao ?



## SẮP HÀNG

1.— Một hồi chuông reo. Cảnh ồn-ào náo-nhiệt của giờ chơi bỗng nhiên chấm dứt.

1.— Học-sinh hối-hả chạy ngay về cửa lớp mình. Chẳng ai bảo ai, các em im-lặng sắp hàng hai, đứng ngay ngắn từng cặp.

3.— Rồi lần-luot các em vào lớp dưới sự hướng-dẫn vui tươi của ông giáo.

HUYỀN-VÂN

## PHÁT-ÂM

**Sắp hàng, náo nhiệt, chạy ngay, hướng-dẫn.**

## GIẢI-NHĨA

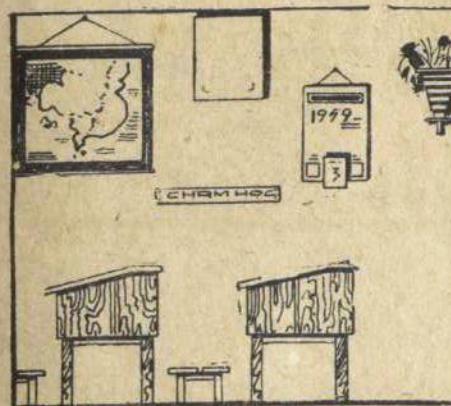
**Náo-nhiệt :** xôn-xao, rộn-rã.

**Hối-hả :** vội-vàng.

**Hướng-dẫn :** diu-dắt, chỉ-bảo.

## TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Cái gì báo hiệu giờ chơi chấm dứt ?
- 2.— Các học-sinh chạy ngay về đâu ?
- 3.— Các em sắp hàng như thế nào ?
- 4.— Trong khi ấy thầy giáo làm gì ?



## TRANG-HOÀNG LỚP

1.— Ô ! lớp đẹp quá !

2.— Bàn ghế đánh vẹt-ni vàng bóng láng. Tường quét vôi màu dùu dịu.

Tranh sơn-thủy đủ màu, bảng danh-dự, thời-khóa-biểu, vài bản đồ địa-lý điểm những nét thanh-thanh. Nhiều biếu-ngữ, kẻ rất công-phu, nêu những châm-ngôn đầy ý-nghĩa.

3.— Lớp trang-hoàng thật đẹp Ai cũng thích học.

THANH-TÂM

## PHÁT-ÂM

**Trang-hoàng, vẹt-ni, thời-khóa-biểu, châm-ngôn.**

## GIẢI-NHĨA

**Tranh sơn-thủy :** tranh vẽ cảnh núi non, sòng biển. **Châm-ngôn :** câu nói ngụ ý khuyên-răn.

## TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Bàn ghế trong lớp sơn màu gì ?
- 2.— Quanh tường có gì ?
- 3.— Các học-sinh có thích học lớp ấy không ?

## HỌC THUỘC LÔNG



## CHÀO CỜ

Đứng nghiêm ngưỡng mặt  
chào cờ !

Ấy là hòn nước phết-pho  
chín từng.

Ấy là nước Việt oai hùng,  
Vàng son ân hiện tráp-trùng khí thiêng !

KIM THANH

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Điểm danh

Chúng em vào lớp vừa ngồi yên thi cô mờ sô ra  
**điểm-danh**. Hôm nay lớp em có một học-sinh **vắng**  
**mặt**. Ấy là Hòa. Ba Hòa đã **xin phép** cho Hòa **nghi**  
**học** hai ngày. Đi học, chúng em phải **chuyên-cần** mới  
mau tǎn tới.

## HỌC THUỘC LÔNG II



## TAN HỌC

Trổng tan rộn-riп đồ,  
Như đàn chim vỡ ồ,  
Tung bay khắp nẻo đường,  
Nô đùa và hồn-hở !

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Trang-hoàng lớp

Lớp em **trang-hoàng** rất **đẹp mắt**. Trên tường  
vôi xanh lợt **treo** nhiều  **tranh ảnh** và **bản đồ** màu  
sắc rực-rỡ. Một **bình hoa** nhỏ ở góc bàn cờ giáo,  
làm cho lớp học thêm phần **vui tươi**.



## TẬP VIẾT

1.— Thủy ngồi  
ngay ngắn, quyền vở  
đè trước mặt.

2.— Nơi giấy, cô  
giáo đã viết sẵn chữ  
mẫu bằng mực đỏ. Thủy lấy viết, chấm mực  
chấm-chỉ viết. Thủy cẩn-thận kẻ những nét dài  
và nét mảnh.

3.— Viết xong, Thủy lấy giấy thấm chậm  
cho khô mực rồi chờ cô giáo cho điểm.

### PHÁT - ÂM

Ngay ngắn, chấm mực, chấm - chỉ, cẩn - thận, nét dài,  
net mảnh.

### GIẢI - NGHĨA

**Ngồi ngay ngắn :** ngồi minh giữ thẳng.

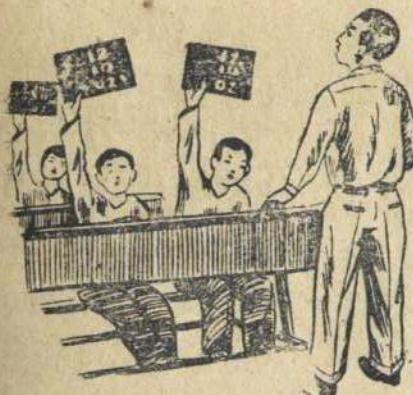
**Chữ mẫu :** chữ kiểu đẽ nhìn theo đó mà viết lại.

**Kẻ :** vạch.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thủy ngồi như thế nào đẽ tập viết ?
- 2.— Cô giáo viết gì vào vở Thủy ?
- 3.— Cô viết bằng mực gì ?
- 4.— Thủy dùng gì đẽ chậm cho khô mực ?

## LÀM TOÁN



1.— Giờ toán.  
2.— Thầy ra lệnh  
« đem bảng đen ra ». Thiên và các bạn rầm-  
rắp vâng lời. Thầy bảo : « Hãy làm bài toán cộng  
trên bảng ». Học-sinh lẹ-  
làng chép, thì-thầm tính toán. Thầy lấy thước gỗ  
vào bàn, « cốc » ! Học-sinh đưa bảng lên  
một loạt. Thầy kiểm-soát các kết-quả.

3.— Phan đồng học trò làm sai. Thiên làm  
đúng, thầy khen.

### PHÁT - ÂM

Giờ toán, ra lệnh, rầm-rắp, loạt, kiểm-soát, kết quả.

### GIẢI - NGHĨA

**Rầm-rắp** : đều một lượt.

**Kiểm-soát** : xem xét.

**Kết-quả** : ở đây có nghĩa là số thành của bài  
tính toán cộng.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Đến giờ toán thầy ra lệnh gì ?
- 2.— Thầy bảo học-sinh làm chi ?
- 3.— Thầy ra hiệu như thế nào đẽ học-sinh đưa bảng lên ?
- 4.— Phan đồng học-sinh làm có đúng không ?



## VẼ

1.— Theo những điểm nhỏ chấm trên tờ giấy, cây bút chì của Thủy đã tượng nên những hình con gà, con thỏ, những cây tre, cây mía, hay cái

nha lá nhỏ xinh-xinh.

2.— Thủy chan-chú tó lên những hình vẽ ấy màu xanh, màu đỏ, màu vàng.

Thủy còn định vẽ những quả núi, những con sông ! Thủy lại còn ước-ao vẽ gương mặt hiền-tử của bà ngoại, của má và cha Thủy nữa.

3.— Học vẽ thật là vui ! Thủy thích quá !

YÊN-SƠN

### PHÁT ÂM

Điểm, bút chì, cây tre, quả núi, ước-ao, bà ngoại.

### GIẢI NGHĨA

Tượng nêu : vẽ thành.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thủy vẽ gì trên tờ giấy ?
- 2.— Vẽ xong các hình, Thủy làm chi nữa ?
- 3.— Thủy còn định vẽ gì ?
- 4.— Học vẽ có thú không ?



## HỌC VĂN

Năm nay em mới học văn,  
A, ơ, ă, â, lần lần lảu thông !  
Ôn thầy ghi tạc đáy lòng,  
Học văn cho thuộc dáng công của thầy.

PHI-VÂN

### BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Viết tập

Thầy viết to mấy tháng, nay đã viết buông được rồi. Em nắm nốt từng nét to, nét nhỏ. Chữ thường em viết đã đều, nhưng các chữ hoa còn xấu. Em nhìn chữ mẫu trên bảng và cố gắng viết cho thật giống, thật đẹp.



## HỌC TOÁN

Con ơi! học toán cho hay,

Nhơn, chia, trừ, cộng, cho thầy mẹ khen!

Cửu-chương lần dở trước đèn,

Học cho thuộc lầu dùng quên chương nào.

YẾN-NHI

BÀI TẬP NGỮ VỰNG

## Làm toán

Hết giờ viết tập, đến **giờ toán**. Thầy ra bài trên bảng. Nhìn dấu thập bên cạnh các **con số**, em biết đó là **toán cộng**. Em nhầm tính rồi viết **số thành**. Thầy sửa trên bảng. Em làm **đúng**. Thành bạn em, làm **sai**.



## VỆ-SINH

1.— Ăt lợm con chuột chết ở xó hè, hối-hả liệng qua vườn nhà bên cạnh.

2.— Hai hôm sau mùi hôi nồng nặc xông lên. Ai cũng lấy làm khó chịu.

Āt tưởng tránh khỏi cái vạ chuột thui, ai ngờ cũng không khỏi †

3.— Trọng vệ-sinh chung và riêng cho mình, ta không nên có những hành-động như thế.

MINH-TÚ

## PHÁT-ÂM

Lợm, chuột chết, liệng, mồ hôi, nồng nặc, xông, khó chịu.

## GIẢI NGHĨA

**Vệ-sinh:** môn học dạy ta cách giữ-gìn đời sống cho được khỏe mạnh, khỏi bị ốm đau, tật bệnh. **Hành-động:** việc làm.

## TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Ăt liệng vật gì qua vườn nhà bên cạnh?
- 2.— Hai hôm sau, tại sao ai cũng lấy làm khó chịu?
- 3.— Ăt có tránh khỏi cái vạ chuột thui không?
- 4.— Ta có nên hành-động như Ăt không? Tại sao?



## THỦ-CÔNG

1.— Thủ châm  
chú cắt những mảnh  
giấy xanh, vàng, đỏ  
ra từng khúc dài.

Đoạn lanh tay.  
Thủy luôn mảnh này  
trên mảnh khác, xếp  
qua xếp lại thành  
những mặt dêm xinh-  
xắn.

2.— Trong khi ấy, mấy trò khác, cắt những  
bìa giấy cứng thành hình chữ nhựt, hình  
tam-giác.

3.— Chúng vui-vẻ làm việc ra chùi ham  
thích lắm.

### THANH-TÂM

#### PHÁT - ÂM

**Khúc dài**, luôn, **mặt dêm**, **cắt**, **chữ nhựt**, **tam-giác**.

#### GIẢI - NGHĨA

**Thủ-công** : làm bằng tay.

**Tam-giác** : ba góc.

#### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thủ cắt chỉ ra từng khúc dài ?
- 2.— Em ấy làm thế nào để thành mặt dêm ?
- 3.— Trong khi ấy các trò khác làm chi ?
- 4.— Các học-sinh làm việc như thế nào ?



## SỬ - KÝ

1.— Bài học Việt-  
Sử hôm nay làm cho  
Sanh cảm - động rất  
nhiều.

2 — Lòng dũng-cảm  
của quân ta, tài điều-  
khiển của Hưng-Đạo-  
Vương, sự thắt-bại chua-  
cay của binh Mông-Cồ,  
bao nhiêu chuyện đó  
làm cho lòng Sanh thêm hăng-hái, sung-sướng.

3.— Sanh càng bái-phục vị anh hùng cứu-  
quốc họ Trần.

### VIỆT-PHONG

#### PHÁT - ÂM

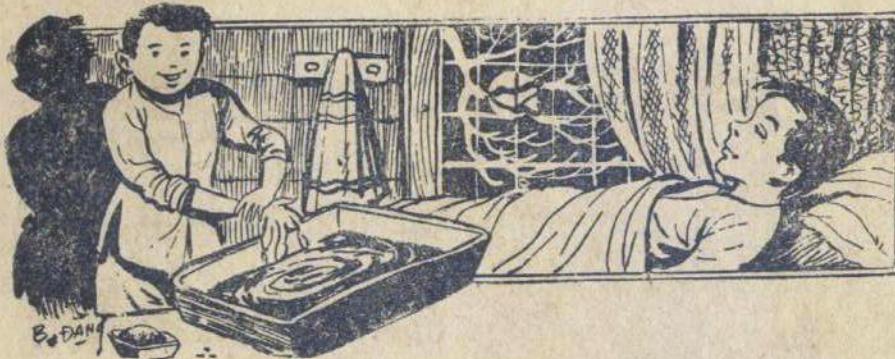
**Sử-ký**, **dũng-cảm**, **điều-khiển**, **Hưng Đạo-Vương**, **thắt-  
bại**, **hăng-hái**, **bái-phục**.

#### GIẢI - NGHĨA

**Dũng-cảm** : mạnh dạn và can-dám. **Điều-khiển** :  
cầm binh đánh giặc. **Thắt-bại** : thua to. **Bái-phục** : chịu  
phục một cách cung kính. **Cứu-quốc** : cứu nước.

#### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Bài học gì đã làm cho Sanh cảm-động hôm nay ?
- 2.— Quân ta đánh với ai ?
- 3.— Vị tướng nào điều-khiển quân ta ?
- 4.— Tại sao Sanh cảm thấy hăng-hái và sung-sướng ?



## TAY CHÂN SẠCH SẼ

Tay chân rửa sạch ai ơi !

Lấy nước làm sạch là lời thầy răn.

Bụi动荡 là gốc bệnh xắng,

Vệ-sinh không giữ cũng bằng hại thân.

KÌNH-DƯƠNG

BÀI TẬP NGỮ-VƯNG

## Vệ-sinh

Ngoài môn tập đọc, tập viết, làm toán, em còn học vệ-sinh để biết phép giữ mình cho được khỏe mạnh. Thầy thường bảo rằng: nếu ta ở bẩn, không năng tắm rửa thì sẽ bị ghê lở, và ăn uống không điều độ thi sẽ bị ốm đau.



## THUYỀN GIẤY

Thuyền giấy ơi thả mặt hồ !

Lăn-tăn sóng gotten, nhấp-nhô mạn thuyền.

Thuyền trôi, trôi mãi về bến,

Còn em ở lại cõi siêng học-hành.

THANH-TÂM

BÀI TẬP NGỮ-VƯNG

## Sử-ký

Em học sử để biết nguồn-gốc dân-tộc và chuyện nước nhà. Em rất căm-thù những kẻ xăm lăng tàn-bạo dã làm dân khổ-sở. Em sung-sướng và cảm-phục những vị anh-hùng dã làm nước nhà vê vang.

## THỂ THAO VÀ CÁC TRÒ CHƠI



1.— Trổng vừa  
điếc thùng, từ trong  
các lớp, như đàn chim  
võ ô, chúng thoát ra sân vừa reo mừng inh-ỏi.

2.— Nhiều quả bóng đã được tung lên trời.  
Nhiều trái cầu đã từ chân này chuyền qua chân  
khác.

Lú bảy, chòm ba chúng chơi trốn bắt, thấy  
lỗ, bắn đạn. Mấy em gái nhảy dây, đánh chuyền.

3.— Ba tiếng trổng khác nồi lên, chẳng ai  
bảo ai, chúng hối-hả chạy về cửa lớp, im lặng,  
sắp hàng.

XUÂN-VIỆT

PHÁT-ÂM

Trổng, điếc, thoát, inh-ỏi, chuyền, lú bảy, rượt bắt.

GIẢI-NGHĨA

**Điếc**: đánh. **Quả bóng** : trái banh.

TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Trong giờ chơi học trò chơi ở đâu?
- 2.— Các học trò trai chơi chi?
- 3.— Các học trò gái chơi chi?
- 4.— Nghe trổng vào lớp, các em ấy làm gì?

## VƯỜN CHƠI TRẺ EM



1.— Ba dắt Thủy đến vườn chơi trẻ em.  
Thủy vui mừng hết sức.

2.— Đến nơi, nào cây cao bóng rợp, nào  
bãi cỏ xanh rì, nào vườn hoa tươi đẹp. Thủy  
hớn-hở leo lên thang, vịn tay thang tuột xuống.  
Chán, em cùng các bạn cởi ngựa gỗ, chơi đu.

3.— Xung-quanh Thủy, hoa cỏ phất-phói.  
Gió chiều nhẹ thổi, Thủy khoan-khoái vô cùng.

PHÁT-ÂM

Cây cao bóng rợp, hoa tươi, xanh rì, vịn, tuột, xung-  
quanh, phất-phói.

GIẢI-NGHĨA

**Khoan-khoái** : cảm thấy nhẹ-nhàng dễ chịu.

TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Ba dắt Thủy đi chơi ở đâu?
- 2.— Trong vườn chơi trẻ em, Thủy thấy gì?
- 3.— Thủy chơi chi?
- 4.— Thủy cảm thấy thế nào?



## TẬP THỂ-DỤC

1.— Mùa nóng cũng như mùa lạnh, Thiên dậy sớm tập thể-dục với Ba.

2.— Thiên noi theo Ba giơ tay, giơ chân, uốn mình, ngả đầu ra sau, nhón chân, tập thở. Đôi khi em tập chạy và tập trèo.

Tập xong độ mười lăm phút, hai cha con nghỉ để tắm rửa.

3.— Thiên siêng tập thể-dục vì biết rằng nhờ năng vận-động, thân-thể được cường-tráng.

### PHÁT-ÂM

Dậy sớm, uốn mình, sau, siêng, vận-động, vì.

### GIAI-NHĨA

**Noi theo:** bắt chước.

**Cường-tráng:** mạnh khỏe.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thiên dậy sớm để làm gì?
- 2.— Kè những cử-động của Thiên?
- 3.— Tại sao tập thể-dục xong cần phải tắm rửa?
- 4.— Tập thể-dục có ích chi?

## LUYỆN TẬP THỂ-THAO



Con ơi! nên nhớ

lời, này,

Thể-thao luyện tập hằng

ngày khó sai.

Thân hình rắn-chắc,

dẻo-dai,

Thiểu-nhi cường dũng,

tương-lai nước nhà.

### BÀI TẬP NGỦ-VƯƠNG

## Giờ chơi

Trong giờ chơi sân trường thật là náo-nhiệt. Chỗ này đá bóng, chỗ kia bắn đạn. Các học-sinh lớn đánh vú, đá cầu; các cậu bé chơi trốn bắt. Các em gái nhảy dây, đánh chuyền. Đầu kia một bọn nhảy cà-cà,



### DÁNH BI

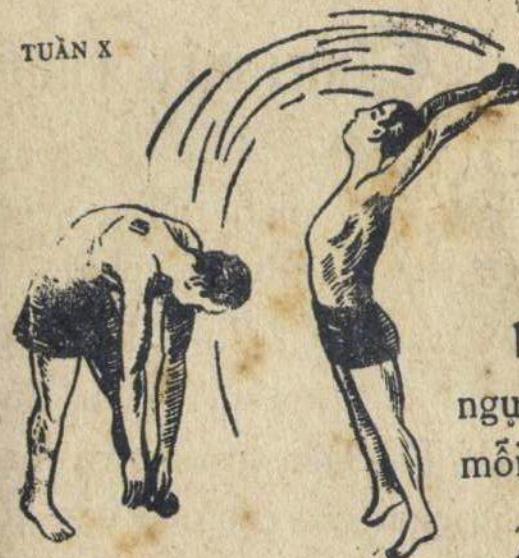
Rủ nhau ta đánh  
bi chơi,  
Cùng so cao thấp dưới  
trời bao-la.

Người bi đỏ, kẻ bi ngà,  
Thủy-tinh lồng-lánh chói lòa xinh thay !

BÀI TẬP NGỮ VỰNG

### Tập thể-dục

Sáng nào em cũng dậy sớm ra sân tập **thể-dục**. Em bắt chước các **cử-động** của ba : giơ tay, giơ chân, uốn minh, nhón gót, **hít vào** và **thở ra**. Em còn tập **chạy**, **nhảy** và **leo trèo** nữa. Thể-dục đã làm cho thân-thề em **nở-nang**, **cường-tráng**.



### TẬP THỞ

- 1.— Muốn cho lồng ngực được nở-nang, mỗi sáng Thiên tập thở.
- 2.— Ở trần trùi-trụi, chỉ mặc một chiếc quần dùi, Thiên đứng thẳng, ngực ưỡn ra dằng trước. Em hít mạnh khí trời vào buồng phổi, rồi từ từ em thở ra.

- 3.— Tập thở nhiều lần, em thấy trong người khoan-khoái dễ chịu.

#### PHÁT - ÂM

**Lồng ngực**, **trần trùi-trụi**, **quần**, **ưỡn**, **khoan-khoái**.

#### GIẢI - NGHĨA

**Ở trần trùi-trụi** : thân trên không mặc gì cả.

#### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Mỗi sáng Thiên làm gì ?
- 2.— Khi tập, Thiên có mặc áo quần không ?
- 3.— Thiên tập thở như thế nào ?
- 4.— Tập xong, Thiên thấy trong người ra sao ?



## CHƠI MÈO CHUỘT

1.— Các nữ-sinh đứng vòng tròn để chơi.

2.— Thủ làm mèo. Thu làm

chuột. Cô giáo ra lệnh, Thu luồn dưới tay các bạn, chạy trốn. Thủ cũng chui vào các chỗ bạn vừa lọt qua, đuổi bắt. Thủ chạy rất nhanh. Thủ cũng gắng sức. Đuối hối lâu, Thủ nắm được vật áo Thủ.

3.— Tức thì Thủ quay phắt đi chạy trốn vì Thủ phải làm chuột và trái lại, Thủ làm mèo.

### PHÁT - ÂM

Vòng tròn, lệnh, luồn, lọt qua, chui vào, đuổi bắt,  
quay phắt.

### GIẢI - NGHĨA

**Nữ-sinh :** học trò gái.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Các nữ-sinh chơi trò gì ?
- 2.— Các em đứng như thế nào ?
- 3.— Thủ và Thủ mỗi em làm gì ?
- 4.— Khi Thủ bắt được Thủ thì ai được làm mèo ? Ai làm chuột ?



## CHƠI TRỐN BẮT

1.— Một em bé lấy khăn bịt mắt Thiên. Đoạn chúng hét nhau ra dấu chạy trốn.

2.— Thiên chẳng nom thấy gì cả. Em sờ-soạng mò. Thiên ngo-ngác, dò-dẫm tìm tứ phía. Nghe một tiếng cười khúc-khích ở sau lưng, Thiên quay lại vớ được một anh bạn nhỏ. Anh này cố vùng đẽ thoát, nhưng không khỏi.

3.— Một tràng pháo tay nồi lên : Thiên thắng cuộc.

### PHÁT - ÂM

Trốn bắt, bịt mắt, sờ-soạng, vớ, vùng.

### GIẢI - NGHĨA

**Cười khúc-khích :** cười một cách thích-thú đặc chi.  
**Vớ :** chụp bắt.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Tại sao phải bịt mắt Thiên ?
- 2.— Các em khác làm gì ?
- 3.— Thiên phải làm như thế nào để tìm các bạn ?
- 4.— Thiên có bắt được ai không ?



## TẬP THỂ-DỤC

Mặt trời tang tảng bình-minh,  
Em ơi thức dậy tập tành kéo trưa.  
  
Nhảy dù bao quản nắng mưa,  
Trèo cao, chạy giỏi đừng thua bạn bè.

### BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

#### Tập thở

Mỗi sáng em dậy sớm **tập thở**. Em đứng thẳng người, **ngực ưỡn** ra phía trước. **Không-khí** buồi mai mát-mẻ và **trong sạch**. Em từ từ **hít vào**, đoạn từ từ **thở ra**.

Tập thở là một môn thể-dục **bồ ích**.



## ĐÁ BÓNG

Quả bóng như trái  
cam sành,  
Chân này, chân nọ  
chuyển lanh nhẹ-  
nhàng.

Người đá dọc, kẻ đá ngang,  
Được hơn, hơn được một tràng đấu-tranh !

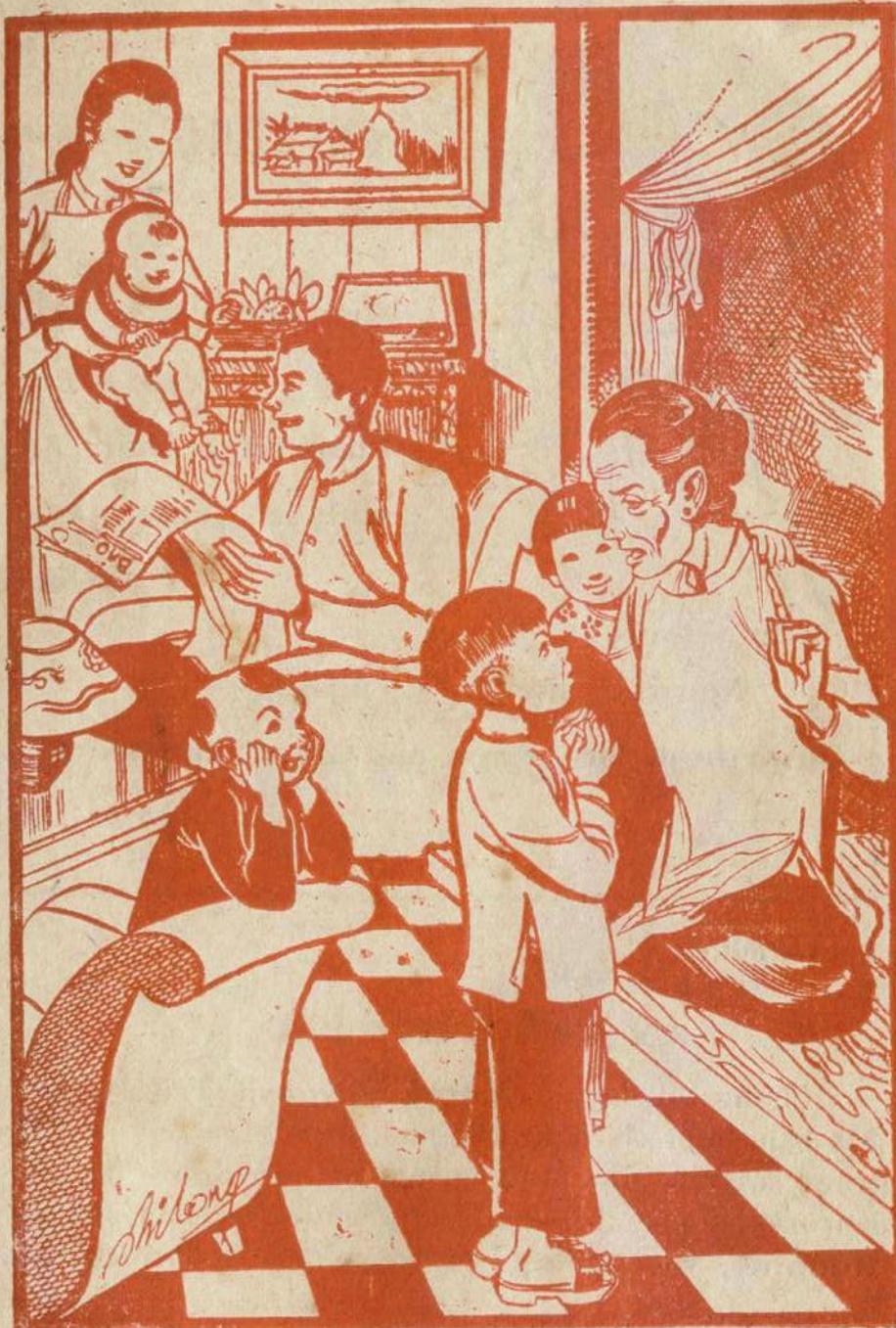
HƯƠNG-VIỆT

### BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

#### Chơi trốn bắt

Chúng em đang chơi **trốn bắt**. Anh Thiên, **mắt** bị **bịt** bằng một chiếc **khăn** nhỏ, đang đưa tay ra đằng trước sờ-soạng **tìm**. Anh nghe ngóng, **dò-dẫm**, hết quay bên này lại quay bên kia. Chúng em vây quanh anh vừa **tránh né**, vừa **vỗ tay** vui cười một cách **thích-thú**.

## Chương II : GIA-DÌNH



Trẻ thơ rộn-rãp reo cười,  
Gia-dinh đầm-ấm vui tươi một nhà'

### GIA-DÌNH

TUẦN XI : Ông bà.

TUẦN XII : Cha mẹ.

TUẦN XIII : Anh chị em.

TUẦN XIV : Công ơn cha mẹ.

TUẦN XV : Công ơn cha mẹ (*tiếp theo*).

TUẦN XVI : Bồn-phận đối với người trong gia-dinh.

TUẦN XVII : Bồn-phận đối với người trong gia-dinh  
(*tiếp theo*).

TUẦN XVIII : Gia-dinh vui-vẻ



## ÔNG TÔI

1.— Minh đi học vừa về,  
đang cất cặp vào hộc tủ.  
Một giọng âu-yếm «con!»  
làm Minh giựt mình quay  
lại. Ông ngoại đã đứng  
đó ấm bé Trí trên tay.

2.— Ông tuy tuổi đã quá năm mươi, nhưng  
trông còn khỏe mạnh. Tay chân ông gân-guốc, tóc  
bạc hoa râm, người hơi mập.

Cặp kính trắng chỉ mang khi cần, làm tăng  
thêm vẻ nghiêm-nghị của ông.

3.— Minh choàng tay ôm cổ ông ngoại ra  
chiều sung-sướng lắm.

HOÀNG-PHI

PHÁT-ÂM

Vừa về, cất cặp, giựt, ngoại, quay, quá, hoa râm.

GIẢI-NHĨA

**Âu-yếm:** cỏ vé thương-yêu.

**Bạc hoa râm:** đèn có lốm-dốm trắng.

TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Ông được bao nhiêu tuổi?
- 2.— Tay chân ông thế nào?
- 3.— Tóc ông ra sao?
- 4.— Khi nào ông mới mang kính?
- 5.— Minh có sung-sướng không? Vì sao?



## BÀ TÔI

1.— Bà tôi già lắm. Da bà đanhancer như quả cam khô héo. Tay chân bà gầy ốm, da trắng xanh, nồi gân. Bà yếu lắm, cầm gì cũng run. Tóc bà bạc phơ như bông nôn. Mắt bà đã mờ, răng bà rụng gần hết.

2.— Bà tôi hay kể chuyện cỗ-tích cho chúng tôi nghe. Miếng ngon, vật lạ, bà thường đề dành cho lũ cháu.

3.— Cháu yêu bà lắm, bà ơi!

PHÁT-ÂM

Yếu, run, răng, rụng.

GIẢI-NHĨA

**Chuyện cỗ-tích:** chuyện đời xưa.

TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Bà già hay trẻ?
- 2.— Da bà ra sao?
- 3.— Tại sao bà cầm gì cũng run?
- 4.— Mắt, răng bà như thế nào?
- 5.— Bà hay kể gì cho các cháu nghe?



## ÔNG BÀ HIỀN-TÙ

1.— Ông bà ngồi  
nhìn lú cháu chơi mỉm  
cười khoan-dung.

2.— Ông bà yêu các  
cháu làm sao ! Mỗi khi  
chúng lỡ tay làm bể bát đĩa, ông bà che-chở  
giùm cho khỏi bị rầy la. Các cháu, lúc thuộc bài,  
ông bà thường bánh ngon kẹo ngọt.

3.— Cháu rất yêu ông bà và luôn luôn  
quắn-quít gần bên.

### PHÁT ÂM

Khoan-dung, bát đĩa, quắn-quít, ngon- ngọt

### GIẢI NGHĨA

**Khoan-dung** : rộng-rãi, hay tha-thứ.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Ông bà ngồi làm gì ?
- 2.— Khi các cháu làm bể bát đĩa nhờ ai mà khỏi bị rầy la ?
- 3.— Khi các cháu thuộc bài thì ông bà thường gì ?
- 4.— Cháu có yêu ông bà không ? Tại sao ?



## CÔNG ƠN ÔNG BÀ

Mỗi khi con cháu  
ốm đau,  
Bà lo thang thuốc eanh  
thâu đêm trường.  
Ông lo săn - sóc  
bên giường,

Lấy gì đèn-dáp công-ơn ông bà ?

Một mai cõi hạc chơi xa,  
Dõe lòng báo hiếu biết là phuong nao ?

### BÀI TẬP NGỮ VƯNG

## Ông tôi

Ông em tuy đã ngoài **sáu mươi tuổi** nhưng vẫn còn  
khỏe-mạnh lắm. Da ông **nhẵn** nhưng hồng hào. Tóc ông  
**bạc hoa râm**. Một chòm **râu** mọc ở cằm. Ông em mắt đã  
**lờ** nên mỗi khi đọc sách phải **mang kính**. Em rất yêu ông  
vì ông hay **che-chở** mỗi khi em bị ba má **rầy la**.



## CHUYỆN CỒ-TÍCH

Bà tôi kể chuyện thật  
hay,

Chuyện cổ, chuyện cũ, chuyện rày, chuyện mai.

Lắng tai ta hãy lắng tai,  
Nghe bà kể chuyện thật hay, hời bà !

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

### Bà tôi

**Bà** em già lắm. Tóc bà **bạc** phơ, má lõm, răng **rụng** gần hết ; lưng bà **còng**. Mỗi khi đi đâu, bà phải **chống gậy**. Hàng ngày, bà **coi sóc** nhà cửa giúp cha mẹ em. Buổi tối, khi cơm nước xong, bà hay **kể** chuyện **cồ-tích** cho em nghe. Em thích lắm. Em rất sung-sướng được có bà bên cạnh.



## CHA MẸ

1.— Trời nắng chang-chang. Ba đi làm việc về.  
2.— Thiên và Thủy ra cửa đón Ba. Thiên dắt xe đạp cho Ba, còn Thủy cầm nón đem cất. Hai em quần-quít bên Ba. Thiên mach học giỏi, được khen ; Thủy khoe tháng này đứng cao, được thưởng.

3.— Ba tuy mệt-nhọc, mồ-hôi đầm-dìa, nhưng cũng mỉm cười sung-sướng.

### PHÁT-ÂM

Trời mưa, việc, về, dắt, mach, khoe.

### GIẢI-NCHĨA

**Nắng chang-chang** : nắng gắt, nắng như thiêu, như đốt.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Ba đi đâu về ?
- 2.— Tại sao Ba phải đồ mồ-hôi ?
- 3.— Thiên và Thủy, mỗi em làm gì ?
- 4.— Thiên mach Ba việc chi ? Thủy khoe điều gì ?
- 5.— Nghe các con ngoan, giỏi, Ba như thế nào ?



## MẸ NẤU ĂN

- 1.— Mẹ đi chợ về.
- 2.— Trong rồ, ngồn-  
ngang cá béo, thịt  
tươi, rau, dưa xanh  
tốt.

Mẹ làm cá, xắt thịt, lặt rau. Trên bếp, lửa cháy đỏ nồng-lách-tách nghe vui tai. Mùi xào nấu thơm-tho xông lên ngào-ngạt.

3.— Mẹ làm việc không nghỉ tay. Đến trưa, Ba, Thiên và Thủy đi về sẽ có bữa cơm ngon lành.

PHÁT-ÂM

Ngồn-ngang, tươi, rau, lặt, lách-tách, vui tai, mùi xào.

GIẢI-NHĨA

**Ngồn-ngang** : dễ lộn-xộn.

TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Mẹ em đi đâu về ?
- 2.— Trong rồ có những gì ?
- 3.— Mẹ phải làm chi ?
- 4.— Mẹ có được nghỉ tay không ?
- 5.— Nhờ ai mà cả nhà được bữa cơm ngon lành ?



## MỘT GIA-DÌNH ĐÔNG CON

1.— Bà Phán tay dắt bé Thiên, tay bồng tí Thiên. Ông Phán đầy xe đạp, trên yên cò đèo bé Thủy và Sơn.

2.— Cái gia-dình đông-đúc ấy dừng chân trên bãi cỏ, trước tòa Đô-sảnh.

Mấy cậu bé chạy giốn, nô đùa rất vui thích. Ông Phán, bà Phán ngồi nghỉ chân trên ghế đá vừa nói chuyện, vừa âu-yếm trông chừng mấy con.

PHÁT-ÂM

Yên, Đô-sảnh, bãi cỏ.

GIẢI-NHĨA

**Đeo** : mang theo phía sau.

TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Gia-dình ông Phán đông không ? Gồm có mấy người ?
- 2.— Bà Phán làm gì ?
- 3.— Ông Phán đèo những gì ?
- 4.— Gia-dình ấy dừng lại ở đâu ?
- 5.— Trong khi các con chơi giốn, ông bà Phán làm gì ?



## CHA MẸ THƯƠNG CON

Đỗ ai thương bé cho bắng,  
Mẹ, cha thương bé vô ngăn, vô biên !  
Ơn cha ai nỡ giám quên,  
Nghĩa mẹ ta phải đáp đền mới ngoan !

### BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Cha tôi

Ba em người **trẻ-trung**, thân-hình **vạm-vỡ**, tay chân **gân-guốc**. Ba em thích ăn mặc sạch-sẽ và **gọn-gàng**. Khi người làm việc gì thì cứ-chỉ **lanh-lẹ** và **khéo-léo**. Ba em tinh **thẳng** và **nghiêm**. Em vừa **thương yêu** vừa kinh sợ.



## MẸ HIỀN

Ai khó nhọc liên-miên ?  
Ai hòa-nhã vô biên ?

Ấy chính người mẹ quý,  
Với nét mặt hiền hiền.

### BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Mẹ tôi

Má em người **tầm thór**, mặt trái **xoan**, ngực da **trắng**. Má em là một **nội-trợ** giỏi: nào đi chợ nấu ăn, nào trông-nom nhà cửa, coi sóc con cái. Tinh má em **dịu-dàng** và **hiền**. Đối với xóm giềng thì lúc nào cũng **ôn-hòa**, **tử-tế** nên ai-cũng **ưa mến**.



## CHỊ BÊNH - VỤC EM

1.— Em bé nhỏ  
dại, được theo chị  
Thủy đi học lớp mâu-  
giáo.

2.— Em có quả banh đẹp. Anh Tư liếc  
nhìn xung quanh thấy không có ai, anh chạy lại  
giựt quả banh. Bé la ầm ĩ và oà lên khóc. Chị  
Thủy chạy đến đỡ em, rồi mách cô giáo đòi quả  
banh lại.

3.— Bé được banh cười qua nước mắt.

PHÁT - ÂM

Bệnh-vực, nhỏ-dại, qua, banh, đòi.

GIẢI-NGHĨA

**Mách :** nói lại cho cô giáo biết những chuyện cô  
không được nghe thấy.

TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Bé có vật gì ?
- 2.— Anh Tư làm gì ?
- 3.— Tại sao em bé khóc ?
- 4.— Chị Thủy làm thế nào để đòi lại banh cho bé ?
- 5.— Khi được lại banh rồi, bé như thế nào ?



## NHƯỜNG - NHỊN LÃN NHAU

1.— Mẹ mua về  
một giỏ cam, quả xanh  
tươi, quả chín vàng,  
thật ngon lành.

2.— Mẹ gọi ba con vào chia. Các em bé  
thèm chảy nước miếng. Thiên lớn lanh trước,  
xin quả xanh và nhỏ, nhường quả chín vàng lại  
cho mẹ và em. Mẹ chia cam xong, gọi Thiên lại  
thưởng thêm một quả to.

3.— Mẹ bảo: «Con còn bé, đã biết nhường-  
nhịn, mẹ rất lấy làm bằng lòng».

PHÁT - ÂM

Nhường-nhịn, chín-vàng, chảy, xin, xanh, xong.

GIẢI-NGHĨA

**Nhường :** chịu thiệt thòi để cho người khác được  
phần hơn.

TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Mẹ mua gì ?
- 2.— Cam ngon có làm các em bé thèm không ?
- 3.— Vì sao Thiên lựa quả nhỏ ?
- 4.— Mẹ thưởng gì cho Thiên ?
- 5.— Mẹ bảo sao ?



## EM BĒ NGOAN

1.— Bé da thịt hồng hào, má lúm đồng tiền, tay chân mủm-mỉm.

2.— Bé đi lẫm-dẫm chơi. Bé quần-quít bên mẹ. Bé ngā, lồm-cồm

ngồi dậy không khóc, không mếu.

Trưa, chiều, bé ra cửa đón ba và anh chị về. Bé đưa hai bàn tay bụ-bẫm ra đón. Bé hò họng cười vui, đè lòi mấy cái răng sứa.

3.— Bé rất ngoan, ai cũng yêu.

### PHÁT ÂM

Ngoan, lúm, mủm-mỉm, lồm-cồm, mếu, họng, lòi, sứa.

### GIẢI NGHĨA

**Bụ-bẫm :** mập-mập.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Da thịt bé thế nào ? Tay chân ra sao ?
- 2.— Khi ngā, bé có khóc, có mếu không ?
- 3.— Trưa, chiều bé làm gì ?
- 4.— Răng bé thế nào ?
- 5.— Tại sao ai cũng yêu bé ?



## CHỊ NGĀ EM NÂNG

Tục rằng chị ngā em nâng,

Cùng chung máu mủ phải thương nhau cùng !

Trước sau ta phải một lòng.

Khi vui có chị, khi buồn có em.

### KÌNH DƯƠNG

### BÀI TẬP NGỮ VỰNG

## Anh chị em

Thiên có hai anh và một chị. Thiên là em út. Chị hai Thiên rất thương yêu các em. Chị chaper-nom và săn-sóc các em từng chút. Khi có ai bắt nạt các em, chị chạy ra bênh vực ngay. Anh Thiên rất quý mến chị.



## YÊU EM BÉ

Em tôi bé tí-teo,  
Thường hò hét múa reo.  
Ba má đều cưng bé,  
Vì bé còn téo-teo.



Bé ít khóc, vui tươi,  
Miệng xinh-xắn nhoén cười.  
Đôi má hây hây đỏ,  
Bé nô đùa, vui chơi.

### BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Bồn-phận anh chị em

Anh em Thiên rất **yêu-mến** nhau. Các anh lớn lúc nào cũng sẵn-sàng **khuyên-răn** và **dạy-dỗ** các em. Còn em đối với anh thì luôn luôn **lẽ-phép** và **vâng lời**. Khi có đồ chơi hay món ngon vật lạ thì anh em **nhường nhịn** lẫn nhau. Ba má thấy các con **hòa-thuận** và **thân yêu** như vậy rất lấy làm **vui lòng**.



## DAN ÁO

1.— Trời chưa trở rét, mẹ đã lo đan áo cho con.  
2.— Hai tay mẹ đan nhanh thoăn-thoắt. Thỉnh thoảng mẹ cau mày thầm tính số tiền chợ hay sự may mắn cho các con. Mẹ đan mãi đến khuya mới nghỉ.

3.— Thấy mẹ nhọc-nhăn, Thiên và Thủy rất cảm-động.

### PHÁT - ÂM

Rét, thoăn-thoắt, thỉnh-thoảng, cau mày, may mặc.

### GIẢI - NGHĨA

**Trở rét** : sang mùa lạnh.

**Thầm tính** : tinh trong tri, không nói to ra.

**Cảm-động** : thấy náo nao thương xót.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Đến mùa lạnh chưa mà mẹ lo đan áo ?
- 2.— Mẹ đan thư thế nào ?
- 3.— Mẹ thầm tính gì ?
- 4.— Mẹ đan đến bao giờ mới nghỉ ?
- 5.— Vì sao Thiên và Thủy cảm-động ?



## QUẦN ÁO TẾT

1.— Thủy và Thiên mặc quần áo mới, chạy tung-tăng khắp nhà.

2.— Thủy rực-rỡ trong áo ni-lông hồng, quần xanh-tanh ủi láng. Thiên hân-hiện với quần tây dài xanh rêu và sơ-mi trắng toát. Hai em mang giày dép tươm-tắt.

3.— Nhờ ba má lo-lắng may sắm nên các em mới có áo đẹp quần xinh như thế.

Ba má đã tốn kém vì các em biết bao !

### PHÁT-ÂM

**Quần áo, ủi, hân-hiện, rêu, sơ-mi, tươm-tắt, may sắm.**

### GIẢI-NGHĨA

**Tung-tăng :** chỉ bộ lăng-xăng, chạy chỗ này qua chỗ khác.

**Hân-hiện :** lên mặt, có vẻ tự kiêu.

**Tươm-tắt :** dảng-hoảng.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thủy mặc áo gì ? quần gì ?
- 2.— Thiên ăn mặc ra sao ?
- 3.— Các em có quần áo đẹp là nhờ ai ?
- 4.— Các em có làm cho ba má tốn kém không ?



## ANH TÁM

1.— Anh Tám vừa cày xong thửa ruộng, mồ hôi ướt đầm người. Anh mở mo nang cơm ra, ngồi ăn ngon lành dưới gốc cây.

2.— Anh vừa ăn vừa nghỉ đến chị Tám và các con ở nhà. Anh nghỉ đến những bữa cơm đầy đủ trong gia đình, những bộ áo quần lành lặn của các con anh. Anh sung-sướng mỉm cười. Nhờ sự cần-cù lao-lực của anh, gia đình anh đã được ấm no.

### MÝ-HƯƠNG

### PHÁT-ÂM

**Cày, thửa, đầm, mỉm, gốc, đầy.**

### GIẢI - NGHĨA

**Thửa ruộng :** miếng ruộng nhỏ. **Mo nang :** túi đựng cơm của người cày ruộng. **Cần-cù lao-lực :** làm việc chăm-chỉ và chịu khó.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Vì sao anh Tám ướt đầm mồ hôi ?
- 2.— Anh đựng cơm ở đâu ?
- 3.— Vì sao ăn cơm vừa nghỉ gì ?
- 4.— Nhờ đâu mà gia đình anh được ấm no ?



## CÔNG CHA MẸ

Ba em bào quản  
công-phu,

Gia-dinh no ấm, cần-cù  
lo toan.

Mẹ em công việc đa-doan,  
Vá may, bếp núc, dịu-dàng vui tươi.

Trong ngoài vén khéo thành-thoại,  
Nhà êm, cửa đẹp nơi nơi gọn-gàng.

YÊN-HÀ

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Mẹ Thiên

Thiên yêu mẹ Thiên lắm. Trời chưa rét, mẹ đã lo  
**đan áo** cho Thiên. Mẹ luôn luôn **tính toán** việc **may**  
**sắm** trong nhà. Mặc dù **tốn kém**, mẹ cũng cố io cho con  
được **tươm-tát**. Mẹ chăm-chỉ **dọn-dẹp** nhà cửa rất **chu-**  
**đáo**. Thiên hành-diện có người mẹ đáng quý.



## NHỚ ƠN CHA MẸ

Ai ơi ! uống nước nhớ  
nguồn,

Ai ơi, ăn trái nhớ ơn người  
trồng.

Công cha nghĩa mẹ nghìn trùng,  
Sanh-thành, dưỡng-dục ghi lòng chó quên

PHƯƠNG-THẢO

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Chá em

Mỗi lần thấy chá em **vất-vả** di làm về, em vô cùng  
**cảm-động**. Cha em làm việc rất **cần-cù lao-lực**. Nhờ vậy,  
gia-dinh em luôn luôn được **ấm-no** và **đầy-dủ**. Cha em  
thường khuyên em : «Con hãy **gắng học** để làm **vui lòng**  
**cha mẹ**».

Tinh **thương** của cha em thật bao-la !



## TRẺ EM NGHÈO

1.— Thùy được bà má cho đi học, Thùy rất vui sướng vì hiểu biết nhiều điều mới lạ.

2.— Cạnh nhà Thùy có em Bé, đã bằng tuổi

Thùy mà vẫn ở nhà lượm củi, giữ em. Thùy lấy làm lạ, hỏi Bé : « Sao Bé không đi học ? » Bé buồn rầu nói : « Tôi thích học lắm, nhưng tôi nghèo, tiền đâu mua sách vở, giấy mực ? »

3.— Thùy thương Bé quá. Thùy hiểu rằng Thùy được ăn học là nhờ gia đình Thùy khá, còn biết bao người cam chịu đốt-nát chỉ vì nghèo khổ.

### PHÁT - ÂM

Nghèo, vui sướng, nhiều tiền, lượm củi, đốt-nát.

### GIẢI - NGHĨA

**Cam chịu :** dành chịu.

**Đốt-nát :** tối-tăm, không biết gì.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Nhờ ai Thùy biết được nhiều điều mới lạ ?
- 2.— Em Bé lớn bằng ai ?
- 3.— Em ấy có được đi học không ?
- 4.— Bé trả lời ra sao ?



## THIÊN NHỨC ĐẦU

1.— Sáng nay Thiên đi học quên đội mũ.

2.— Vì trời nắng gắt, nên khi về nhà, mặt Thiên đỏ gay. Hai mắt hoa lên, Thiên kêu nhức đầu. Mẹ lo sợ bảo nằm nghỉ. Rồi mẹ lấy dầu xoa trán em, cho em uống thuốc cảm. Mẹ thân-hành nấu cháo cho Thiên.

3.— Thiên rất hối-hận vì đã làm phiền mẹ. Lần sau đi học Thiên sẽ không quên đội mũ nữa.

### PHÁT - ÂM

Nhức, đỏ gay, hoa lên, hối-hận, cháo.

### GIẢI - NGHĨA

**Thân-hành :** tự mình di lâm lấy. **Hối-hận :** giận mình đã làm điều quấy.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Sáng nay Thiên đi học có đội mũ không ?
- 2.— Khi về nhà thì mặt em thế nào ?
- 3.— Em đau gì ?
- 4.— Mẹ Thiên lo sợ không ? Bà săn-sóc Thiên như thế nào ?
- 5.— Thiên có hối-hận không ? Vì sao ?



## ĐÀY CON

1.— Sau bữa cơm tối ông giáo Xuân đem tập vở học trò ra chấm. Ông vừa làm việc vừa kèm Vân và Thủy học.

Ông không quản gì mệt nhọc, tỉ-mỉ giảng bài cho các con mãi đến mười giờ hơn mới đi nghỉ. Dưới sự chỉ-dẫn của cha, Vân và Thủy hiểu bài, thuộc bài hơn và tỏ ra rất vui học.

THANH-TÂM

## PHÁT-ÂM

Sau, kèm, quản, mười.

## GIẢI-NGHĨA

**Không quản gì:** không kẽ gi. **Tỉ-mỉ :** kỹ-lưỡng, từng ly, từng tí. **Chỉ-dẫn :** bảo ban, dạy-dỗ.

## TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Sau bữa cơm ông giáo Xuân làm gì?
- 2.— Ông giảng bài cho các con như thế nào?
- 3.— Ông có quản gì mệt nhọc không?
- 4.— Đến khi nào ông mới đi nghỉ?
- 5.— Vân và Thủy nhờ ai mà hiểu và thuộc bài hơn?



## BÊN CHA

Cùng nhau xúm-xít

bên cha.

Học vui, vui học đâu  
mà chẳng vui!Khi giải-thích, khi  
nhủ lời.

Khi xem bài vở, khi cười với con!

MINH-TÚ

## BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Công mẹ

Sáng nào mẹ em cũng **dậy sớm** lo ăn **sáng** cho cả nhà. Khi chúng em đã đi học, mẹ em **đi chợ** về lại **nấu ăn**. Bà lại còn phải lo **giặt ủi, vá may** quần áo chúng em nữa.

Những khi em **yếu đau**, mẹ em ngày đêm **lo-lắng** quên ăn quên ngủ.

Công của mẹ em không biết lấy gì sánh kịp.



## MẸ VỀ

Mẹ tôi buồn tảo bán tần,  
Sớm mua chợ sớm, chiều cân chợ chiều !  
Kia kia bóng mẹ tôi yêu !  
Mua quà, mua bánh thật nhiều cho tôi !

MÝ-VÂN

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Công cha

Suốt ngày, ba em **đi làm** ở sở dè có tiền **nuôi** gia đình. Tối về nhà, người không quản **mệt-nhọc** còn **giảng dạy** thêm cho chúng em nữa.

Ngoài việc lo cho chúng em ăn **học**, người còn dè ý đến **sức khỏe** của chúng em, sợ chúng em **đau ốm**.  
Thật **công ơn** của cha mẹ không sao kể xiết !



## KHÔNG LÀM CHA MẸ BUỒN

- 1.— Ba, má thường dặn các con chó ra chơi ngoài đường, sợ xe cộ.
- 2.— Một hôm ba, má đi vắng, trò Nam đến rủ Thiên đi xem đá banh ở sân vận động gần đó. Hai em náo-nức muốn đi. Thiên sức nhớ lời dặn, bảo bạn. Ba má bảo trẻ con đừng ra đường một mình bị tai nạn.

Nếu chúng ta đi, ba má sẽ buồn. Thôi, ta nên ở nhà.

- 3.— Đoạn, hai em không đi nữa.

PHÁT - ÂM

Ngoài, sợ, nên, sức, dặn, vận động.

GIẢI - NGHĨA

**Sân vận động** : sân banh.**Náo-nức** : nô-nao, bôn-chôn.

## TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Ba má thường dặn các con thế nào ?
- 2.— Một hôm ba má đi đâu ?
- 3.— Ai đến rủ Thiên đi xem đá banh, xem ở đâu ?
- 4.— Thiên bảo bạn thế nào ?
- 5.— Rồi hai em có đi không ?



## BA SỐT

1.— Ba làm việc vất-vả quá. Đi nắng về mưa nên ba cảm.

2.— Thủ và Thiên  
quấn-quít bên giường ba. Thiên rờ trán ba và  
hỏi : «Ba bót mệt chưa ?» Thủ lo rót nước đê  
ba uống đỡ khát. Thường ngày các em nô đùa  
ầm-ỹ. Böyle giờ ai cũng đi nhẹ-nhé nói thì-thầm  
để ba ngủ ngon giấc.

3.— Hai em không dám chạy đâu xa, cứ  
quanh-quần xem ba có sai bảo gì không.

### PHÁT ÂM

Việc, vất-vả, giấc, quanh-quần.

### GIẢI-NGHĨA

**Vất-vả :** mệt nhọc, cực khổ.

**Thì-thầm :** nói nhỏ trong miệng.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Tại sao ba bị cảm ?
- 2.— Thiên làm gì ?
- 3.— Thủ làm gì ?
- 4.— Tại sao mọi người phải đi nhẹ-nhé và nói thì-thầm ?
- 5.— Hai em quanh-quần bên giường đê làm gì ?



## CÂU BÉ HIẾU-THẢO

1.— Xưa có một cậu bé tên Hoàng - Hương. Tuy mới lên chín nhưng Hoàng-Hương hiếu-thảo lạ thường.

Suốt ngày cậu quanh-quần không ngừng tay  
quạt bên màn để cha được ngon giấc.

Trời đông tháng giá, cậu ấp chiếu chăn để  
cha được ấm.

2.— Gương hiếu-thảo ấy đến ngày nay vẫn  
còn.

### PHÁT ÂM

Hiếu-thảo, Hoàng-Hương, khôn xiết, quạt, ấp chiếu  
chăn, truyền-tụng.

### GIẢI NGHĨA

**Truyền-tụng :** chuyện miệng nhau mà khen-ngợi.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Cậu bé tên gì ? Mấy tuổi ?
- 2.— Khi mẹ mất, cậu ấy làm gì ?
- 3.— Cậu quạt không ngừng đê làm gì ?
- 4.— Cậu ấp chăn chiếu đê làm chi ?
- 5.— Cậu ấy có hiếu-thảo chẳng ?



## ƠN SANH-THÀNH

Các em nho nhỏ,

Tuổi trẻ xuân xanh.

Cha mẹ sinh-thành,

Nuôi-dưỡng ấm no.

Phận em phải giữ phải lo,

Nhớ ơn cha mẹ nuôi cho nên người !

### BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

#### Vâng lời cha mẹ

Sau khi tan học, bao giờ Thiên cũng về **đúng giờ** không làm cha mẹ **trông đợi** và **sốt ruột**. Thiên luôn luôn **vâng lời cha mẹ** khi đi **thưa**, lúc về **trình**, và muốn di chơi đâu cũng **xin phép** rồi mới đi. Cha mẹ sai đi đâu Thiên không bao giờ **trễ-nãi**. Thiên cũng không **thờ-thần** **đọc đường** để nhìn những con bướm đẹp mà Thiên rất thích.

Thiên là đứa trẻ ngoan !



## MÁU CHẢY RUỘT MỀM

Đã rằng máu mủ thịt xương, sô ióm m

Một nhà con cái phải thương nhau cùng.

Anh, em nào phải người dưng,

Ruột mềm máu chảy, dạ dưng lâng xao.

### BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

### GIẢI NGHĨA

Hình ảnh: Tuyệt vời của một bà

#### Hầu hạ cha mẹ

Thiên là đứa bé **hiếu-thảo**. Nó **hầu-hạ cha mẹ** rất **chân-thành**. Nó luôn luôn nhớ câu chuyện thầy kề: « Vua Tự-Đức là một người con **hiếu-thảo**. Những lúc mẹ đau, ông thường **sớm thăm**, **tối viếng**, **chăm-nom** rất **thành kính**. Lúc thi ông **dưng** **bánh trái**, lúc thi **món ngon**, **vật lạ**, bao giờ ông cũng **phụng-dưỡng-mẹ**; với tấm lòng **kính-mến** ».



## HÀU HẠ CHA MẸ

- 1.— Ba má rất yêu Thiên. Thiên hiếu-dễ và siêng-năng.
- 2.— Đến bữa cơm, Thiên so đũa xới cơm cho ba má. Cơm xong. Thiên lo rót nước, lấy tăm, mòi ba má dùng. Ba má sai bảo việc gì, Thiên vội làm ngay, không chậm trễ.
- 3.— Ba má rất lấy làm bằng lòng.

### PHÁT - ÂM

Siêng-năng, so đũa, xới, rót, sai.

### GIẢI - NGHĨA

**Hiếu-dỄ:** thờ kính cha mẹ và nhường-nhin anh em.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thiên là đứa trẻ thế nào ?
- 2.— Đến bữa ăn Thiên làm gì ?
- 3.— Cơm xong, Thiên lấy gì cho ba má dùng ?
- 4.— Khi ba má sai bảo việc gì Thiên có làm ngay không ?
- 5.— Tại sao ba má bằng lòng Thiên ?



## GIÚP BỐ MẸ

- 1.— Ngày nghỉ, Thủy hay quanh quẩn bên mẹ.
- 2.— Thủy xuống bếp, quạt lò giúp mẹ. Em lặt rau, lau bát dĩa và làm những việc nhẹ. Thủy không như các trẻ khác, hễ cha mẹ nhờ làm việc gì thì sung mặt sung mày. Thủy vui-vẻ làm việc.
- 3.— Mẹ được Thủy giúp đỡ, công việc càng mau chóng hơn. Bà sung-sướng có đứa con ngoan.

### PHÁT - ÂM

Ngày nghỉ, lặt rau, lau bát, sung mặt sung mày.

### GIẢI - NGHĨA

**Sung mặt sung mày :** mặt mày phùng-phardu tỏ vẻ không bằng lòng.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Ngày nghỉ Thủy có đi chơi không ?
- 2.— Thủy làm gì để giúp mẹ ?
- 3.— Những việc Thủy làm có năng nhọc không ? Kè vặt việc.
- 4.— Khi cha mẹ sai bảo việc gì, Thủy có sung mặt sung mày không ?
- 5.— Vì sao mẹ Thủy sung-sướng ?



## NÊN THƯƠNG TÔI TỨ

1.— Một hôm Thủy bảo chị Hai múc nước rửa mặt.  
2.— Chị Hai chưa kịp bưng lên, Thủy la ầm-ý. Mẹ nghiêm sắc mặt bảo: « Chị Hai mắc việc, con hãy tự bưng nước lấy ». Thủy lóng-cóng đồ nước vào thau, bưng lên. Nhưng yếu tay, nước đồ lênh-láng ướt cả áo quần.

3.— Mẹ nói: « Con thấy chưa? Công việc nặng-nề, sức con yếu, phải nhờ chị Hai giúp. Con nên thương-mến chị, chớ đừng khắc bạo ».

### PHÁT - ÂM

Múc, nghiêm, lóng-cóng, thau, lênh-láng, khắc bạo.

### GIẢI - NGHĨA

**Khắc bạo:** hay rầy la, đánh đập.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Thủy sai chị Hai làm gì ?
- 2.— Tại sao Thủy la ầm-ý ?
- 3.— Mẹ bảo Thủy thế nào ?
- 4.— Vì sao nước đồ lênh-láng ?
- 5.— Ta nên đối đãi thế nào với người ?



## TÍCH TRẦU GAU

Răng xưa có chuyện trâu eau,  
Biết chẳng tích ấy từ lâu lưu-truyền.

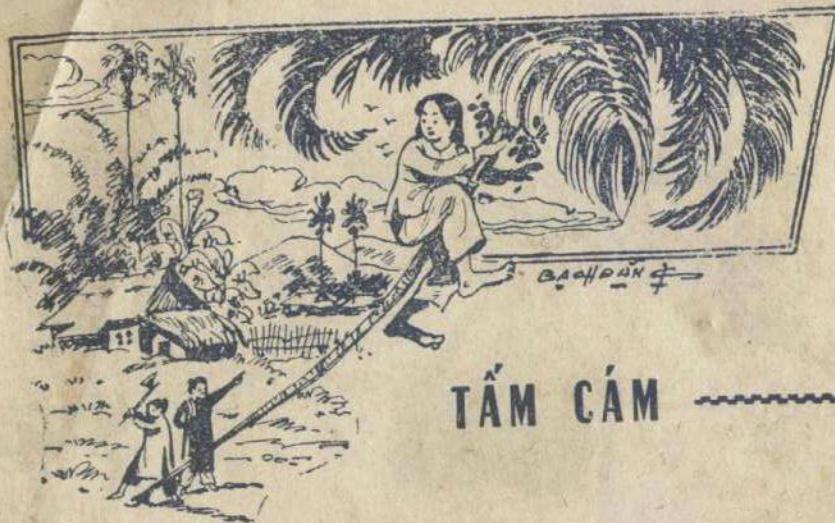
Anh em, chồng vợ là duyên,  
Thương nhau sống chết vẹn tuyễn nghĩa xưa

THANH VÂN

### BÀI TẬP NGỮ VỰNG

## Giúp đỡ cha mẹ

Thủy là một bé **ngoan**. Những ngày nghỉ học, em thường ở nhà **giúp mẹ**. Sáng dậy, em **quét** nhà, **lau** ván. Khi em làm bếp, em **lặt** rau, **lau** bát dĩa. Thấy mẹ **khỏe** được đôi chút, em **vui sướng** vô cùng.



## TẤM CÁM

Chuyện xưa Tấm, Cám còn ghi,  
Tại sao Cám nỡ hại chi chị mình ?  
Chị, em mâu mủ nặng tình,  
Thương nhau không hết, nỡ dành hại nhau !

HỒNG-HOA

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Đối với người giúp việc

**Chị bếp, chị vú, bác Tài** là những người làm công trong gia-dinh ta. Họ giúp ta nhiều công-việc **nhọc-nhăn**. Vậy đối với những người ấy, ta không nên **ngược-đãi**, trái lại, ta phải **thương-xót** họ.

Khi họ **đau ốm** ta phải **thuốc men** săn-sóc. Phải lấy, bưng **nhân-tù** mà ăn ở.



## ĐỒ CHƠI TẾT

1.— Ba má dắt các con đi mua đồ chơi Tết.

2.— Thiên lớn, chọn cái xe hơi có máy quay chạy vòng tròn. Thủy thích con búp-bé mắt to, lông nheo dài. Bé tí-hon đùi cái kèn.

Về đến nhà, Thiên kéo xe hơi quanh vườn, mồm kêu: « bí bo, bí bo ». Thủy ẵm búp-bé ru : « à ư ». Còn em bé thổi kèn « tò-te » inh-ỏi.

3.— Ba má hẹn : « Nếu các con ngoan, ba má sẽ mua cho thêm đồ chơi nữa ».

PHÁT - ÂM

Chọn, máy quay, vòng tròn, đùi ẵm.

GIẢI-NGHĨA

**Tí-hon :** rất nhỏ. **Ô-tô :** xe hơi.

TẬP NÓI CHUYỆN

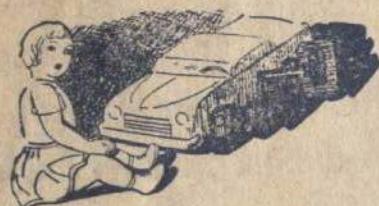
1.— Ba má dắt các con đi đâu ?

2.— Thiên cho gì ?

3.— Con búp-bé của Thủy ra sao ?

4.— Em tí-hon đùi chi ?

5.— Ba má hẹn thế nào ?



## GIA-BÌNH VUI

1.— Suốt ngày, mỗi người đi mỗi ngả. Cả nhà tụ-hợp đông-dủ lúc giờ cơm.

2.— Sau bữa ăn, ba ngồi đọc báo hay chuyện trò với mẹ. Sơn quanh quẩn bên bà nghe kề chuyện cò-tích. Cảnh đấy, Thiên và Thủy chăm-chỉ học bài, làm bài.

3.— Dưới ngọn đèn xanh, cảnh gia-dình thật vui-vẻ, ấm-cúng.

### PHÁT - ÂM

Gia-dình vui, suốt ngày, báo, chuyện trò.

### GIẢI - NGHĨA

Chuyện cò-tích : chuyện đời xưa. Ám-cúng : êm-đềm, ấm-áp.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Cả nhà tụ-hợp đông đủ vào giờ nào?
- 2.— Sau bữa ăn ba làm gì?
- 3.— Sơn làm gì?
- 4.— Thiên và Thủy làm gì?
- 5.— Cảnh gia-dình thế nào?

## GIA-DÌNH ĐI TẮM BIỂN



1.— Vừa mặc xong

chiếc may-dô, Thiên, Thiện và Sơn chạy ào xuống biển. Trong khi ấy, các cô Hạnh, Tuyết, Thủy, Vân cũng vừa

trải chiếu xong và bày các thức ăn.

2.— Mấy cậu bé đã chạy tung-tăng trên cát trắng. Ông Phán, bà Phán cũng mai-dô, khăn tắm, sung-sướng trầm mình trong nước biển.

3.— Cả gia-dình cảm thấy thơ-thới nhẹ-nhàng. Ai cũng vui, cũng thích.

### THANH-PHONG

### PHÁT - ÂM

Tắm biển, mai-dô, ào, chiếu, bày, trầm.

### GIẢI - NGHĨA

Mai-dô : áo tắm. Trầm mình : ngâm mình. Thơ-thới : khoan-khoái, dễ chịu.

### TẬP NÓI CHUYỆN

- 1.— Khi tắm biển ta mặc gì?
- 2.— Các cô bày chi trên chiếu?
- 3.— Ông Phán, bà Phán có tắm không?
- 4.— Ông bà mặc gì?
- 5.— Gia-dình ấy cảm thấy thế nào?



## GIA-DÌNH

Gia-dinh là tồ ấm,  
Chị em xúm-xít vui.  
Cùng nhau chia  
buồn thảm,  
  
Cùng nhau hưởng ngọt bùi.

BÀI TẬP NGỮ-VỰNG

## Gia đình hòa-thuận

Những lúc gia-dinh **sum-hợp**, cha Thiên thường gọi các con bảo : « Các con phải **giúp đỡ nhau** và ăn ở cho **trên thuận, dưới hòa**, đừng **gây-gỗ**. Khi em khóc, anh, chị phải **an-ủi, dỗ-dành**. Khi em giận lè, anh chị phải dùng lời **nhé-nhang** mà **khuyên-bảo**. Được như thế, cha mẹ rất **vui lòng** ».



## NGUYỄN CẦU

Trời mưa lác-dáe  
ngọn dâu,  
Thành tâm em nguyện  
khấn cầu nhà ta.  
  
Cầu sao trên thuận, dưới hòa,  
Ông bà trường thọ, mẹ cha song toàn.

AI TẬP NGỮ-VỰNG

## Gia-dinh sum-hợp

Sau bữa cơm tối, gia-dinh Thiên **quây-quần đồng** **dủ**. Cha Thiên ngồi trên ghế, đọc sách **sang-sảng**. Bé ngồi trên đùi cha **đùa nghịch**. Mẹ Thiên **chăm-chỉ may** và **quần áo**. Anh, chị, em Thiên **chuyện trò vui-vẻ**. Cảnh gia-dinh Thiên thật **ấm-cúng** !

## HỌC ÔN

TUẦN XIX : Câu hỏi ôn: Học-đường.

Tập đọc vui: Tình thầy trò.

TUẦN XX : Câu hỏi ôn: Học-đường.

Thơ chuyện cò-tích: Lưu-Bình Dương Lão

TUẦN XXI : Câu hỏi ôn: Gia-dinh.

Thơ chuyện cò-tích: Gương hiếu-thảo.

TUẦN XXII: Tập đọc vui: Đực rựa.

CÂU HỎI ÔN  
HỌC - ĐƯỜNG

## BÀI I: Trường học. Lớp.

- 1.— Giải-nghĩa : Lớp học bình-dân. Lớp mẫu-giáo.
- 2.— Ai đi học lớp bình-dân ?
- 3.— Các tiều-học có những lớp nào ?
- 4.— Lớp em học ra sao ?
- 5.— Tại sao em mến lớp em ?

## BÀI II: Thầy và bạn. Đồ dùng. Đồ-đạc.

- 1.— Giải-nghĩa : Tận tâm, chuyên cần.
- 2.— Em có yêu mến thầy không ?
- 3.— Tại sao ta phải chọn bạn mà chơi ?
- 4.— Em hãy kể những đồ dùng của học-sinh ?
- 5.— Em hãy kể những đồ đạc trong lớp ?

## BÀI III: Công việc ở học-đường. Các môn học.

- 1.— Giải-nghĩa : Náo-nhiệt, hưng-dẫn.
- 2.— Tại sao cô giáo điềm-danh trước khi học ?
- 3.— Lớp em trang-hoàng ra sao ?
- 4.— Trong lớp em thích nhất giờ gì ? Tại sao ?
- 5.— Em học Sử-ký để biết gì ?



## TÌNH THẦY TRÒ

Xưa, ông Nguyễn-Đức-Đạt, người Nghệ-An, đã dỗ thám hoa và làm Tuần-phủ tỉnh Hưng-Yên. Bấy giờ trong nước có loạn, dân gian bị cướp phá. Ông đê của kho mót hơn vạn quan tiền. Triều-đình bắt ông phải bồi thường cho đủ số, không thì sẽ bị trị tội. Ông đang buồn rầu suy tính thì có những người lặn đến xin ra mắt. Những người ấy vòng tay đứng chung quanh ông mà nói rằng :

— « Chúng tôi là học trò của thầy trước kia. Nay nghe tin thầy mắc nạn, chúng tôi kẽ ít người nhiều tùy theo sức mình, chung góp một số tiền để giúp thầy. Vậy chúng tôi xin thầy nhận thì chúng tôi hết súc vui mừng. Ông thầy rất nặng. Chúng tôi không thể nào trả cho hết ».

Các học trò nài-nỉ xin ông Đức-Đạt lấy. Ông cảm-động đến ứa nước mắt mà nói rằng :

— « Các anh là người có nghĩa với thầy. Vậy thầy xin cảm ơn tất cả các anh. Cử-chỉ trung-hậu của các anh sẽ là một bài học quý giá cho những người mai sau ».

Nhờ bọn mn-sinh có nghĩa với thầy mà ông Đức-Đạt khỏi tội.

Trích Truyện cổ Việt-Nam  
NGUYỄN-DUY

## LỜI BÀN

Ngày xưa, tình thầy trò là một mối tình thiêng-liêng, cao quý. Nho sinh đối với thầy một mực thương yêu, kính trọng. Tình thầy trò đã được đặt trên nghĩa cha con. Thầy mắc nạn, trò chung nhau đến cứu... Một tấm gương sáng đáng nêu. Các em học-sinh ngày nay, lại chẳng biết noi theo tấm gương sáng của người xưa hay sao ?

## CÂU HỎI ÔN

### HỌC-ĐƯỜNG - GIA-ĐÌNH

**BÀI I:** Thể-thao và các trò chơi.

- 1.— Giải-nghĩa : Tập thể-dục, cường-tráng.
- 2.— Giờ chơi, các em chơi những trò chơi gì ?
- 3.— Tập thể-dục có ích lợi chi ?
- 4.— Kè những cử-dộng khi tập thể-dục ?
- 5.— Em có thích tập thể-dục không ? Vì sao ?

**BÀI II:** Ông, bà, cha, mẹ.

- 1.— Giải-nghĩa : Áu-yếm, khoan-dung.
- 2.— Hình-dáng ông em ra sao ?
- 3.— Em yêu ông, bà, cha, mẹ không ? Tại sao ?
- 4.— Hình-dáng ba em ra sao ?
- 5.— Má em ở nhà làm gì ?

**BÀI III:** Anh, chị, em.

- 1.— Giải-nghĩa : Nhường-nhịn, hòa-thuận.
- 2.— Tại sao anh, chị phải bênh vực em ?
- 3.— Tại sao anh, chị, em phải nhường-nhịn lẫn nhau ?
- 4.— Em đối với anh chị thế nào ?
- 5.— Anh chị đối với em ra sao ?

## LƯU-BÌNH DƯƠNG-LỄ



Rằng tích cũ chuyện xưa còn đó,  
Nghĩa kim bằng gắn bó mấy ai !  
Lưu-Bình Dương-Lễ là hai,  
Anh em xưa vốn bạn trai một trường.

★  
Bình tuy giàu nhưng không chăm học,  
Lễ dù nghèo chịu nhọc xôi kinh.  
Dương-Lễ thi đỗ nên danh,  
Lưu-Bình thi rớt cam dành phận hôi.

★  
Tìm đến Lễ mong nhờ giúp đỡ,  
Lễ thờ-o tiếp ở bên ngoài.  
Bình buồn bạn cũ đổi thay,  
Bỏ đi, song hẹn có ngày gặp nhau.

★  
May được gái họ Châu giúp đỡ,  
Hẹn chờ ngày thi đỗ kết duyên.  
Từ ngày gặp được người tiên,  
Ân-eần dè sách lo chuyên học-hành,

Không mẩy chốc ghi danh bảng hò,  
Vội-vã về gấp-gõ cõ-nhân.  
Nàng Châu sớm đã lánh thân,  
Chàng Lưu mến tiếc muôn phần khổ tâm.



Lưu tiện bước về thăm bạn cũ,  
Phút kinh-hoàng gấp-gõ người xưa.  
Nàng Châu niềm-nở mời đưa,  
Người xưa là vợ bạn xưa của mình.



Bình mới hiều hết tình của Lẽ,  
Vì nê mình nên để vợ yêu,  
Mấy năm theo dõi chuộng chìu,  
Con đường danh-phận dắt-dìu bạn xưa.

YÊN-HÀ-KHÁCH

### LỜI BẢN

Được một người bạn hết lòng giúp đỡ mình, là một điều sung-sướng.

Câu chuyện trên cho các em thấy rõ hơn điều ấy. Âm-thầm giúp Lưu-Bình lập nên danh-phận, Dương-Lẽ là một người bạn đáng quý, đáng kính-phục. Tâm gương « Lưu-Bình Dương-Lẽ » đáng cho các em noi theo.

### TUẦN XXI

## CÂU HỎI ÔN GIA-DÌNH

### BÀI I: Công ơn cha mẹ.

- 1.— Giải-nghĩa : cảm-động, cẩn-cù, lao-lực.
- 2.— Nhờ ai em được ăn học ?
- 3.— Mẹ em lo việc gì trong gia-dinh ?
- 4.— Tại sao em phải nhớ ơn cha mẹ ?
- 5.— Nếu nhà nghèo, em phải ở nhà làm việc, em có phiền trách cha mẹ không ? Tại sao ?

### BÀI II: Bồn-phận.

- 1.— Giải-nghĩa : vất-vả, phụng-duống.
- 2.— Muốn cho cha mẹ vui lòng, em phải làm sao ?
- 3.— Kè câu chuyện « Cậu bé hiếu-thảo ».
- 4.— Ngày nghỉ, em có giúp đỡ cha mẹ không ?  
Tại sao ?
- 5.— Ta nên đối-đáy thế nào với người giúp việc cho ta ?

### BÀI III: Gia-dinh vui-vẻ.

- 1.— Giải nghĩa : ấm-cúng, quây-quần.
- 2.— Thế nào là gia-dinh hòa-thuận ?
- 3.— Gia-dinh em sum-hợp vào buổi nào ? Tại sao ?
- 4.— Tại sao ví gia-dinh là lò ấm ?
- 5.— Nếu em ngỗ-nghịch, gia-dinh có vui-vẻ không ?

## CƯƠNG HIẾU-THẢO



Chuyện rằng đời Tấn có người,  
Họ Ngô tên Mạnh tuổi thời còn thơ.  
Nhưng lòng hiếu-thảo khôn ngờ,  
Thương cha, kính mẹ, mến thòi ai đương.  
Nhà nghèo có chiểu, có giường,  
Nhưng mừng chẳng có, đêm trường thon-von.  
Muỗi ngàn mừng đặng miếng ngon,  
Hai thân phải chịu muỗi đòn xé xâu !  
Giặc nồng yên dễ đặng đau,  
Mà lòng con thảo nao nao vô cùng !  
Thôi dành quần áo cởi tung,  
Nằm trần cho muỗi trùng trùng tấn công.  
Mẹ cha an được giặc nồng,  
Mà lòng con trẻ càng mừng càng vui !  
Khen thay tuổi nhỏ hơn người,  
Gan to, lòng hiếu có trời chứng tri.  
Gương này ta hãy cỗ ghi !

I.H.K.

### LỜI BÀN

Ngô-Mạnh tuổi vừa lén tám, nhưng lòng hiếu của ông quả thật phi-thường. Không kề đến da thịt mình, để tránh cho cha mẹ khỏi bị muỗi đốt, ông Ngô-Mạnh đã lưu lại chúng ta một tấm gương hiếu-thảo trong sáng, đáng phục.



Người em cũng cam tâm lanh phàn, không than trách  
gì cả.

Lanh đức rựa, người em ngày ngày vác rựa lên rừng  
đốn củi bán đền sinh sống.

Một hôm, mệt quá anh ta ngủ quên dưới gốc cây. Thình-lình có bà khỉ đến khiên anh ta đem đi, con khỉ lớn hỏi đàn  
khỉ nhỏ :

« Chúng ta chôn hắn nơi lỗ vàng hay lỗ bạc ? » Khỉ nhỏ  
trả lời « chôn lỗ vàng ».

Tỉnh giấc dậy, anh ta thấy mình nằm trên đồng vàng.  
Mừng quýnh, anh ta hốt vàng đem về nhà.

Đến ngày giỗ cha, anh ta mời anh đến nhà, nhưng  
người anh chê và khinh anh nghèo, nên thách.

« Chú hãy mua chiểu lót đàng và vàng phết cửa tôi  
mới đến ».

Người em về mua chiểu lót từ nhà mình đến nhà anh và  
phết vàng các cửa.

## ĐỨC RỰA

Xưa có hai anh em nhà  
kia hưởng gia-tài to của cha  
đè lại.

Người anh sợ chia đồng  
rên nói với em :

« Trong gia-tài này, vật gì  
« cái » là của tôi, « đức » là  
của chú, chú chịu không ? »

Người em còn nhỏ dại,  
chưa biết gì, nên nghe theo  
lời anh.

Đến khi chia cửa, người  
anh lanh hét gia-tài. Người  
em chỉ còn đức rựa.

Người em cũng cam tâm lanh phàn, không than trách  
gì cả.

Người anh lấy làm lạ, không hiểu em mình sao bỗng  
nhiên giàu to.

Người em thành thật thuật lại sự tình.

Người anh nghe, mừng rõ huyết tâm đi tìm của như em,  
anh ta cũng sám một đực rựa, lén rừng đón cùi.

Anh ta cũng ngủ dưới gốc cây. Bày khi cũng ra khiêng  
anh ta đi.

Rồi chúng cũng hỏi nhau : « chôn lõi vàng hay chôn  
lõi bạc ».

- Chúng lại bảo nhau : « chôn lõi bạc đừng chôn lõi vàng ».

Anh ta nghe, nỗi giận, quát to :

« Chôn lõi vàng, chớ sao chôn lõi bạc ? »

Lũ khỉ giựt mình, liệng anh ta xuống đất chết tốt.

- Ba mươi đời « tham thì thâm » thật là đáng kiếp.

Theo truyện cổ Việt-Nam

NGUYỄN - DUY

### LỜI BÀN

Anh em ruột thịt phải yêu thương nhau, ai mà không biết  
thế. Nhưng, người anh trong truyện này, đã chẳng thương yêu  
em, lại còn giành hết cả phần gia-tài em nữa. Lòng tham của  
người anh thật là đáng khinh. Nhưng « tham thì thâm ». Người  
anh phải chết vì lòng tham quá độ của anh ta. Tâm gương xấu  
ấy có đáng cho ta khinh-bỉ chẳng ?

### MỤC-LỤC

Số thứ tự	Tieng	Số thứ tự	Tieng
<b>Chương I</b>		<b>Học thuộc lòng</b>	
<b>HỌC-BƯỜNG</b>			
<b>Tập đọc</b>			
1.— Trường Thanh-Lâm	7	1.— Lớp em	9
2.— Lớp học Bình-Dân	8	2.— Mến lớp	10
3.— Lớp học vui	11	3.— Chăm-học	14
4.— Lớp mẫu-giáo	12	4.— gáy	15
5.— Phòng hiệu-trưởng	13	5.— Rủ nhau đi học	19
6.— Yêu mến thầy	16	6.— Dàn chim	20
7.— Nên chọn bạn mà chơi	17	7.— Quyền sách hinh	24
8.— Người học trò tốt	18	8.— Quả địa cầu	25
9.— Quyền vở	21	9.— Trống trường	29
10.— Cây viết	22	10.— Bản đồ Việt-Nam	30
11.— Cặp sách	23	11.— Chào cờ	31
12.— Bàn ghế học-sinh.	26	12.— Tau hoc	35
13.— Tấm bảng xanh	27	13.— Học văn	39
14.— Bàn thầy	28	14.— Học toán	40
15.— Điêm-danh	31	15.— Tay chân sạch-sẽ	44
16.— Sắp hàng	32	16.— Thuỷ-tuyết giấy	45
17.— Trang-hoàng lớp	33	17.— Luyện tập thể-thao	49
18.— Tập viết	36	18.— Đánh bi	50
19.— Làm toán	37	19.— Tập thể-dục	54
20.— Vẽ	38	20.— Đá bóng	55
21.— Vệ-sinh	41	<b>Bài tập ngữ-vựng</b>	
22.— Thủ-công	42	1.— Trường em	9
23.— Sử-ký	43	2.— Lớp học	14
24.— Thể-thao và các trò chơi	46	3.— Phòng hiệu-trưởng	15
25.— Vườn chơi trẻ em	47	4.— Thầy giáo	19
26.— Tập thể-dục	48	5.— Học trò tốt	20
27.— Tập thở	51	6.— Quyền vở	24
28.— Choi mèo chuột	52	7.— Cải cặp sách	25
29.— Choi trốn bắt	53	8.— Bàn ghế học-inh	29
		9.— Đồ-đạc trong lớp	30
		10.— Điêm-danh	34
		11.— Trang-hoàng lớp	35
		12.— Viết tập	39
		13.— Làm toán	40
		14.— Vệ-sinh	44
		15.— Sử-ký	45
		16.— Giờ chơi	49
		17.— Tập thể-dục	50
		18.— Tập thở	54
		19.— Choi trốn bắt	55

# THƯ MỤC

## SÁCH GIÁO-KHOA « MỘT NHÓM GIÁO-VIÊN VIỆT-HƯƠNG »

LOẠI SÁCH	TÁC-GIÀ	G IÁ
<b>QUỐC-VĂN</b>		
VĂN VIỆT-NAM.	Hà-văn-Hóa.	20\$
QUỐC-VĂN TOÀN THƯ lớp Năm	Phạm-trường-Xuân — Yên-Hà — Kinh-Dương	
QUỐC-VĂN TOÀN THƯ lớp Tư I	—nt—	18
— lớp Tư II	—nt—	18
QUỐC-VĂN TOÀN THƯ lớp Ba I	—nt—	18
— lớp Ba II	—nt—	19
QUỐC-VĂN TOÀN THƯ lớp Nhứt I	—nt—	19
— lớp Nhứt II	—nt—	20
QUỐC-VĂN TOÀN THƯ lớp Nhứt I	—nt—	22
— lớp Nhứt II	—nt—	23
<b>VIỆT-SỬ</b>		
VIỆT-SỬ lớp Ba	Yên-Hà — Kinh-Dương.	17\$
VIỆT-SỬ lớp Nhứt	—nt—	20
VIỆT-SỬ lớp Nhứt	—nt—	20
<b>CÁCH-TRÍ</b>		
CÁCH-TRÍ lớp Tư	Trần-văn-Chuộc	17\$
KHOA-HỌC THƯỜNG-THỨC lớp Ba	Lưu-văn-Lê	19
CÁCH-TRÍ lớp Nhứt	Trần-văn-Chuộc	28
CÁCH-TRÍ lớp Nhứt	—nt—	21
<b>TOÁN-PHÁP</b>		
TOÁN-PHÁP lớp Nhứt	Trần-văn-Chuộc	28\$
TOÁN-PHÁP lớp Nhứt	—nt—	30
<b>ĐỊA-LÝ</b>		
ĐỊA-LÝ lớp Tư	Yên-Hà — Kinh-Dương.	19\$
ĐỊA-LÝ lớp Ba	—nt—	25
ĐỊA-LÝ VIỆT-NAM lớp Nhứt và Nhứt	—nt—	29
ĐỊA-LÝ NÂM-CHAU lớp Nhứt	—nt—	30
Loại sách		
TÌM HIỂU ĐỊA-LÝ V. N.		
ĐỊA-LÝ TỈNH PHONG-DINH	Trương-quan-Liêm	17\$
*		
CHÁNH-TÀ GIẢI-TRÍ	Trần-văn-Xường	6\$
HÀNH-VĂN Tập I	Võ-thu-Tịnh	25
BẤT QUI TẮC ĐỘNG-TỬ ANH-VĂN	Hoàng-ngọc-Thành M. A.	25
SU-PHAM THỰC-NHIỆM	Lê-thanh-Phát	50
<b>SẮP XUẤT-BẢN</b>		
VIỆT-SỬ lớp Tư	Yên-Hà — Kinh-Dương	
ĐỊA-LÝ TỈNH LONG-AN		
ĐỊA-LÝ ĐÔ-THÀNH SÀI-GÒN		
GIÁO-DỤC CỘNG-ĐỒNG	Lê-thanh-Phát	

## Học thuộc lòng

Số thứ tự	Trang
20.— Công ơn ông bà	61
21.— Chuyện cõi-tích	62
22.— Cha mẹ thương con	66
23.— Mẹ hiền	67
24.— Chị ngã em nâng	71
25.— Yêu em bé	72
26.— Công cha mẹ	76
27.— Nhờ ơn cha mẹ	77
28.— Bên cha	81
29.— Mẹ về	82
30.— Ông sanh thành	86
31.— Máu chảy ruột mềm	87
32.— Tích trầu cau	91
3.— Tấm Cám	92
34.— Gia-đình	96
35.— Nguyễn cầu	97

## Bài tập ngữ-vựng

Số thứ tự	Trang
20.— Ông tôi	61
21.— Bà tôi	62
22.— Cha tôi	66
23.— Mẹ tôi	67
24.— Anh chị em	71
25.— Bồn-phận anh chị em	72
26.— Mẹ Thiên	76
27.— Cha em	77
28.— Công mẹ	81
29.— Công cha	82
30.— Vàng lời cha mẹ	86
31.— Hầu hạ cha mẹ	87
32.— Giúp đỡ cha mẹ	91
33.— Đối với người giúp việc	92
34.— Gia-đình hòa-thuận	96
35.— Gia-đình sum họp	97

## HỌC ÔN

Số thứ tự	Trang
1.— Câu hỏi ôn về học-đường	100
5.— Câu hỏi ôn gia-đình	105
2.— Tình thầy trò	101
6.— Gương hiếu-thảo	106
3.— Thể-thao trò chơi	102
7.— Đức Rửa	107
4.— Lưu-Bình Vương-Lẽ	103

Số  
thứ tự

Trang

## Chương II GIA-ĐÌNH Tập đọc

Số thứ tự	Trang
30.— Ông tôi	58
31.— Bà tôi	59
32.— Ông Bà hiền-tử	60
33.— Cha mẹ	63
34.— Mẹ nấu ăn	64
35.— Một gia-đình đông con	65
36.— Chị bênh-vực em	68
37.— Nhường nhịn lẫn nhau	69
38.— Em bé ngoan	70
39.— Đan áo	73
40.— Quần áo Tết	74
41.— Anh Tám	75
42.— Trẻ em nghèo	78
43.— Thiêng nhức đầu	79
44.— Dạy côn	80
45.— Không làm cha mẹ buồn	83
46.— Ba sốt	84
47.— Cậu bé hiếu-thảo	85
48.— Hầu hạ cha mẹ	88
49.— Giúp đỡ mẹ	89
50.— Nêu thương tôi tớ	90
51.— Đồ chơi Tết	93
52.— Gia-đình vui	94
53.— Gia-đình đi tắm biển	95



Giấy-phép số 5/6/XB ngày 21-3-64